



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# CÔNG BÁO

*Thành phố Hồ Chí Minh*

Số 72 + 73

Ngày 01 tháng 5 năm 2023

## MỤC LỤC

Trang

### PHẦN VĂN BẢN KHÁC

#### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- |            |  |    |
|------------|--|----|
| 17-3-2023- | Quyết định số 924/QĐ-UBND về việc công bố hiện trạng rừng Thành phố Hồ Chí Minh năm 2022.  | 3  |
| 21-3-2023- | Quyết định số 962/QĐ-UBND ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình Bình ổn thị trường các mặt hàng lương thực, thực phẩm thiết yếu, các mặt hàng phục vụ học tập năm 2023 - Tết Giáp Thìn năm 2024 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.   | 17 |
| 22-3-2023- | Quyết định số 973/QĐ-UBND về việc sửa đổi, bổ sung thời gian trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân Thành phố quy định chi tiết các luật được Quốc hội thông qua theo Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 3465/QĐ-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2022 và Quyết định số 924/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố. | 46 |

- 24-3-2023- Quyết định số 1025/QĐ-UBND về ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình bình ổn thị trường các mặt hàng được phẩm thiết yếu trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm 2023 - 2024. 52
- 24-3-2023- Quyết định số 1029/QĐ-UBND phê duyệt Đề án nâng cao chất lượng xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030. 62

## PHẦN VĂN BẢN KHÁC

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 924/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 3 năm 2023

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố hiện trạng rừng  
Thành phố Hồ Chí Minh năm 2022

#### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 487/TTr-SNN ngày 09 tháng 3 năm 2023 về công bố hiện trạng rừng năm 2022 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

#### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố số liệu hiện trạng rừng Thành phố Hồ Chí Minh năm 2022 (đến thời điểm 31/12/2022) như sau:

TT	Phân loại đất, loại rừng	Diện tích (ha)	Loại rừng theo mục đích sử dụng		
			Đặc dụng	Phòng hộ	Sản xuất
<b>I</b>	<b>Diện tích có rừng</b>	<b>33.372,44</b>	<b>25,26</b>	<b>32.849,39</b>	<b>497,79</b>
1	Rừng tự nhiên	13.508,50	0,24	13.508,26	0
2	Rừng trồng	19.863,94	25,02	19.341,13	497,79
<b>II</b>	<b>Diện tích chưa thành rừng</b>	<b>2.450,56</b>	<b>4,66</b>	<b>2.400,77</b>	<b>45,13</b>
1	Diện tích đã trồng chưa đạt tiêu chí thành rừng	184,76	0	150,00	34,76
2	Diện tích khác	2.265,80	4,66	2.250,77	10,37
<b>III</b>	<b>Tổng diện tích có rừng và diện tích chưa thành rừng</b>	<b>35.823,00</b>	<b>29,92</b>	<b>35.250,16</b>	<b>542,92</b>

Tỷ lệ che phủ rừng năm 2022 là: 15,93%.

(Chi tiết tại biểu đính kèm)

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện:

1. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo Chi cục Kiểm lâm cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu diễn biến rừng trên địa bàn Thành phố và của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định; quản lý khai thác hiệu quả hệ thống thông tin quản lý ngành lâm nghiệp, lưu trữ và cung cấp số liệu, bản đồ diễn biến rừng cho các cơ quan, đơn vị có liên quan theo yêu cầu thực hiện nhiệm vụ; tổ chức theo dõi diễn biến rừng, tổng hợp kết quả báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt công bố hiện trạng rừng định kỳ năm tiếp theo.

2. Giao Ủy ban nhân dân các huyện có rừng thực hiện trách nhiệm quản lý Nhà nước về lâm nghiệp theo quy định của Luật Lâm nghiệp.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Chi cục Trưởng Chi cục Kiểm lâm, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, xã có rừng và Thủ trưởng đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Võ Văn Hoan**

**Biểu số 01: DIỆN TÍCH RỪNG VÀ DIỆN TÍCH CHƯA THÀNH RỪNG  
PHÂN THEO MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH NĂM 2022**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 924/QĐ-UBND ngày 17 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

*Đơn vị tính: ha*

STT	Phân loại rừng	Mã	Diện tích đầu kỳ	Diện tích thay đổi	Diện tích cuối kỳ	Đặc dụng						Phòng hộ						Sản xuất
						Cộng	Vườn quốc gia	Khu dự trữ thiên nhiên	Khu bảo tồn loài sinh cảnh	Khu bảo vệ cảnh quan	Khu rừng nghiên cứu	Cộng	Đầu nguồn	Rừng bảo vệ nguồn nước	Rừng phòng hộ biên giới	Rừng chắn gió, chắn cát	Rừng chắn sóng, lấn biển	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
<b>A</b>	<b>DIỆN TÍCH CÓ RỪNG</b>	1000	33.372,44	-	33.372,44	25,26	-	-	-	-	25,26	32.849,39	-	92,87	-	272,88	32.483,64	497,79
<b>I</b>	<b>RỪNG PHÂN THEO NGUỒN GỐC</b>	1100	33.372,44	-	33.372,44	25,26	-	-	-	-	25,26	32.849,39	-	92,87	-	272,88	32.483,64	497,79
<b>1</b>	<b>Rừng tự nhiên</b>	1110	13.508,50	-	13.508,50	0,24	-	-	-	-	0,24	13.508,26	-	18,06	-	-	13.490,20	-
-	Rừng nguyên sinh	1111	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Rừng thứ sinh	1112	13.508,50	-	13.508,50	0,24	-	-	-	-	0,24	13.508,26	-	18,06	-	-	13.490,20	-
<b>2</b>	<b>Rừng trồng</b>	1120	19.863,94	-	19.863,94	25,02	-	-	-	-	25,02	19.341,13	-	74,81	-	272,88	18.993,44	497,79
-	Trồng mới trên đất chưa có rừng	1121	19.341,13	-	19.341,13	-	-	-	-	-	-	19.341,13	-	74,81	-	272,88	18.993,44	-

STT	Phân loại rừng	Mã	Diện tích đầu kỳ	Diện tích thay đổi	Diện tích cuối kỳ	Đặc dụng						Phòng hộ						Sản xuất
						Cộng	Vườn quốc gia	Khu dự trữ thiên nhiên	Khu bảo tồn loài sinh cảnh	Khu bảo vệ cảnh quan	Khu rừng nghiên cứu	Cộng	Đầu nguồn	Rừng bảo vệ nguồn nước	Rừng phòng hộ biên giới	Rừng chắn gió, chắn cát	Rừng chắn sóng, lấn biển	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
-	Trồng lại sau khi khai thác rừng trồng đã có	1122	522,81	-	522,81	25,02	-	-	-	-	25,02	-	-	-	-	-	-	497,79
-	Tái sinh tự nhiên từ rừng trồng đã khai thác	1123	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	<i>Trong đó:</i>	1124	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Cây cao su	1125	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Cây đặc sản	1126	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>II</b>	<b>RỪNG PHÂN THEO ĐIỀU KIỆN LẬP ĐỊA</b>	1200	33.372,44	-	33.372,44	25,26	-	-	-	-	25,26	32.849,39	-	92,87	-	272,88	32.483,64	497,79
<b>1</b>	<b>Rừng trên núi đất</b>	1210	888,56	-	888,56	25,02	-	-	-	-	25,02	365,75	-	92,87	-	272,88	0,00	497,79
<b>2</b>	<b>Rừng trên núi đá</b>	1220	5,17	-	5,17	-	-	-	-	-	-	5,17	-	-	-	-	5,17	-
<b>3</b>	<b>Rừng trên đất ngập nước</b>	1230	32.478,71	-	32.478,71	0,24	-	-	-	-	0,24	32.478,47	-	-	-	-	32.478,47	-
-	Rừng ngập	1231	32.478,47	-	32.478,47	-	-	-	-	-	-	32.478,47	-	-	-	-	32.478,47	-

STT	Phân loại rừng	Mã	Diện tích đầu kỳ	Diện tích thay đổi	Diện tích cuối kỳ	Đặc dụng						Phòng hộ						Sản xuất
						Cộng	Vườn quốc gia	Khu dự trữ thiên nhiên	Khu bảo tồn loài sinh cảnh	Khu bảo vệ cảnh quan	Khu rừng nghiên cứu	Cộng	Đầu nguồn	Rừng bảo vệ nguồn nước	Rừng phòng hộ biên giới	Rừng chắn gió, chắn cát	Rừng chắn sóng, lấn biển	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
	mặt																	
-	Rừng trên đất phèn	1232	0,24	-	0,24	0,24	-	-	-	-	0,24	-	-	-	-	-	-	-
-	Rừng ngập nước ngọt	1233	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>4</b>	<b>Rừng trên cát</b>	1240	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>III</b>	<b>RỪNG TỰ NHIÊN PHÂN THEO LOÀI CÂY</b>	<b>1300</b>	<b>13.508,50</b>	<b>-</b>	<b>13.508,50</b>	<b>0,24</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>0,24</b>	<b>13.508,26</b>	<b>-</b>	<b>18,06</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>13.490,20</b>	<b>-</b>
<b>1</b>	<b>Rừng gỗ tự nhiên</b>	1310	13.508,50	-	13.508,50	0,24	-	-	-	-	0,24	13.508,26	-	18,06	-	-	13.490,20	-
-	Rừng gỗ lá rộng thường xanh hoặc nửa rụng lá	1311	13.508,50	-	13.508,50	0,24	-	-	-	-	0,24	13.508,26	-	18,06	-	-	13.490,20	-
-	Rừng gỗ lá rộng rụng lá	1312	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Rừng gỗ lá kim	1313	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Rừng gỗ hỗn giao lá rộng và lá kim	1313	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

STT	Phân loại rừng	Mã	Diện tích đầu kỳ	Diện tích thay đổi	Diện tích cuối kỳ	Đặc dụng						Phòng hộ						Sản xuất
						Cộng	Vườn quốc gia	Khu dự trữ thiên nhiên	Khu bảo tồn loài sinh cảnh	Khu bảo vệ cảnh quan	Khu rừng nghiên cứu	Cộng	Đầu nguồn	Rừng bảo vệ nguồn nước	Rừng phòng hộ biên giới	Rừng chắn gió, chắn cát	Rừng chắn sóng, lấn biển	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
<b>2</b>	<b>Rừng tre nửa</b>	1320	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Nửa	1321	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Vầu	1322	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Tre/luồng	1323	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Lồ ô	1324	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Các loài khác	1325	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>3</b>	<b>Rừng hỗn giao gỗ và tre nửa</b>	1330	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Gỗ là chính	1331	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Tre nửa là chính	1332	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>4</b>	<b>Rừng cau dứa</b>	1340	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>B</b>	<b>DIỆN TÍCH CHỨA THÀNH RỪNG</b>	<b>2000</b>	<b>2.450,56</b>	-	<b>2.450,56</b>	<b>4,66</b>	-	-	-	-	<b>4,66</b>	<b>2.400,77</b>	-	<b>6,29</b>	-	<b>64,48</b>	<b>2.330,00</b>	<b>45,13</b>
1	Diện tích đã trồng chưa	2010	184,76	-	184,76	-	-	-	-	-	-	150,00	-	-	-	-	150,00	34,76



STT	Phân loại rừng	Mã	Diện tích đầu kỳ	Diện tích thay đổi	Diện tích cuối kỳ	Đặc dụng						Phòng hộ					Sản xuất	
						Cộng	Vườn quốc gia	Khu dự trữ thiên nhiên	Khu bảo tồn loài sinh cảnh	Khu bảo vệ cảnh quan	Khu rừng nghiên cứu	Cộng	Đầu nguồn	Rừng bảo vệ nguồn nước	Rừng phòng hộ biên giới	Rừng chắn gió, chắn cát		Rừng chắn sóng, lấn biển
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
	đạt tiêu chí thành rừng																	
2	Diện tích khoanh nuôi tái sinh	2020	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Diện tích khác	2030	2.265,80	-	2.265,80	4,66	-	-	-	-	4,66	2.250,77	-	6,29	-	64,48	2.180,00	10,37

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

**Biểu số 02: DIỆN TÍCH RỪNG VÀ DIỆN TÍCH CHƯA THÀNH RỪNG**  
**PHÂN THEO CHỦ RỪNG VÀ TỔ CHỨC ĐƯỢC GIAO QUẢN LÝ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH NĂM 2022**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 924/QĐ-UBND ngày 17 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

*Đơn vị tính: ha*

STT	Phân loại rừng	Mã	Tổng	BQL rừng ĐD	BQL rừng PH	Tổ chức kinh tế	Lực lượng vũ trang	Tổ chức KH&CN, ĐT, GD	Hộ gia đình, cá nhân trong nước	Cộng đồng dân cư	Doanh nghiệp đầu tư nước ngoài	UBND
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
<b>A</b>	<b>DIỆN TÍCH RỪNG</b>	<b>1000</b>	<b>33.372,44</b>	-	<b>32.819,12</b>	<b>497,79</b>	<b>55,53</b>	-	-	-	-	-
<b>I</b>	<b>RỪNG PHÂN THEO NGUỒN GỐC</b>	<b>1100</b>	<b>33.372,44</b>	-	<b>32.819,12</b>	<b>497,79</b>	<b>55,53</b>	-	-	-	-	-
<b>1</b>	<b>Rừng tự nhiên</b>	<b>1110</b>	<b>13.508,50</b>	-	<b>13.490,44</b>	-	<b>18,06</b>	-	-	-	-	-
-	Rừng nguyên sinh	1111	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Rừng thứ sinh	1112	13.508,50	-	13.490,44	-	18,06	-	-	-	-	-
<b>2</b>	<b>Rừng trồng</b>	<b>1120</b>	<b>19.863,94</b>	-	<b>19.328,68</b>	<b>497,79</b>	<b>37,47</b>	-	-	-	-	-
-	Trồng mới trên đất chưa có rừng	1121	19.341,13	-	19.303,66	-	37,47	-	-	-	-	-
-	Trồng lại sau khi k.thác rừng trồng đã có	1122	522,81	-	25,02	497,79	-	-	-	-	-	-
-	Tái sinh tự nhiên từ rừng trồng đã khai thác	1123	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	<b>Trong đó:</b>	<b>1124</b>	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Cây cao su	1125	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Cây đặc sản	1126	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>II</b>	<b>RỪNG PHÂN THEO ĐIỀU KIỆN LẬP ĐỊA</b>	<b>1200</b>	<b>33.372,44</b>	-	<b>32.819,12</b>	<b>497,79</b>	<b>55,53</b>	-	-	-	-	-

STT	Phân loại rừng	Mã	Tổng	BQL rừng ĐD	BQL rừng PH	Tổ chức kinh tế	Lực lượng vũ trang	Tổ chức KH&CN, ĐT, GD	Hộ gia đình, cá nhân trong nước	Cộng đồng dân cư	Doanh nghiệp đầu tư nước ngoài	UBND
1	Rừng trên núi đất	1210	888,56	-	335,24	497,79	55,53	-	-	-	-	-
2	Rừng trên núi đá	1220	5,17	-	5,17	-	-	-	-	-	-	-
3	Rừng trên đất ngập nước	1230	32.478,71	-	32.478,71	-	-	-	-	-	-	-
-	Rừng ngập mặn	1231	32.478,47	-	32.478,47	-	-	-	-	-	-	-
-	Rừng trên đất phèn	1232	0,24	-	0,24	-	-	-	-	-	-	-
-	Rừng ngập nước ngọt	1233	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4	Rừng trên cát	1240	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
III	<b>RỪNG TỰ NHIÊN PHÂN THEO LOÀI CÂY</b>	<b>1300</b>	<b>13.508,50</b>	<b>-</b>	<b>13.490,44</b>	<b>-</b>	<b>18,06</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
1	Rừng gỗ tự nhiên	1310	13.508,50	-	13.490,44	-	18,06	-	-	-	-	-
-	Rừng gỗ lá rộng thường xanh hoặc nửa rụng lá	1311	13.508,50	-	13.490,44	-	18,06	-	-	-	-	-
-	Rừng gỗ lá rộng rụng lá	1312	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Rừng gỗ lá kim	1313	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Rừng gỗ hỗn giao lá rộng và lá kim	1313	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Rừng tre nứa	1320	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Nứa	1321	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Vầu	1322	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Tre/luồng	1323	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Lồ ô	1324	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Các loài khác	1325	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

STT	Phân loại rừng	Mã	Tổng	BQL rừng ĐD	BQL rừng PH	Tổ chức kinh tế	Lực lượng vũ trang	Tổ chức KH&CN, ĐT, GD	Hộ gia đình, cá nhân trong nước	Cộng đồng dân cư	Doanh nghiệp đầu tư nước ngoài	UBND
3	Rừng hỗn giao gỗ và tre nứa	1330	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Gỗ là chính	1331	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Tre nứa là chính	1332	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4	Rừng cau dừa	1340	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>B</b>	<b>DIỆN TÍCH CHƯA THÀNH RỪNG</b>	<b>2000</b>	<b>2.450,56</b>	-	<b>2.401,81</b>	<b>10,13</b>	<b>3,62</b>	-	-	-	-	<b>35,00</b>
1	Diện tích đã trồng chưa đạt tiêu chí thành rừng	2010	184,76	-	150,00	-	-	-	-	-	-	34,76
2	Diện tích khoanh nuôi tái sinh	2020	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Diện tích khác	2030	2.265,80	-	2.251,81	10,13	3,62	-	-	-	-	0,24

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

**Biểu số 3: TỔNG HỢP TỶ LỆ CHE PHỦ RỪNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH NĂM 2022**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 924/QĐ-UBND ngày 17 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Đơn vị tính: ha.  
Tỷ lệ che phủ: %

STT	Đơn vị	Tổng diện tích tự nhiên	Tổng diện tích có rừng	Rừng tự nhiên	Rừng trồng		Phân loại theo mục đích sử dụng				Tỷ lệ che phủ rừng
					Diện tích rừng trồng đã thành rừng	Diện tích rừng trồng chưa thành rừng	Tổng cộng	Đặc dụng	Phòng hộ	Sản xuất	
(1)	(2)	(3)	(4) = (5) + (6)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	Củ Chi	43.477,18	92,87	18,06	74,81	0,00	92,87	0,00	92,87	0,00	0,21
2	Bình Chánh	25.255,99	795,93	0,24	795,69	34,76	795,93	25,26	272,88	497,79	3,15
3	Cần Giờ	70.445,35	32.483,64	13.490,20	18.993,44	150,00	32.483,64	0,00	32.483,64	0,00	46,11
4	Q/huyện khác	70.360,49	-	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>Tổng</b>		209.539,00	33.372,44	13.508,50	19.863,94	184,76	33.372,44	25,26	32.849,39	497,79	15,93

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

**Biểu số 04: TỔNG HỢP DIỄN BIẾN DIỆN TÍCH RỪNG VÀ DIỆN TÍCH CHƯA THÀNH RỪNG  
THEO CÁC NGUYÊN NHÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH NĂM 2022**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 924/QĐ-UBND ngày 17 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

*Đơn vị tính: ha*

STT	Phân loại rừng	Mã	Diện tích thay đổi	Trồng rừng	Rừng trồng đủ tiêu chí thành rừng	Khoanh nuôi tái sinh đủ tiêu chí thành rừng	Khai thác rừng	Cháy rừng	Phá rừng trái pháp luật, lấn chiếm rừng	Chuyển mục đích sử dụng	Thay đổi do sâu bệnh hại rừng, lốc xoáy, hạn hán, lũ lụt, sạt lở, băng tuyết...	Nguyên nhân khác (tăng diện tích, chỉnh lý loại rừng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
<b>A</b>	<b>DIỆN TÍCH CÓ RỪNG</b>	<b>1000</b>	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>I</b>	<b>RỪNG PHÂN THEO NGUỒN GỐC</b>	<b>1100</b>	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>1</b>	<b>Rừng tự nhiên</b>	<b>1110</b>	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Rừng nguyên sinh	1111	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Rừng thứ sinh	1112	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>2</b>	<b>Rừng trồng</b>	<b>1120</b>	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Trồng mới trên đất chưa có rừng	1121	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Trồng lại sau khi khai thác rừng trồng đã có	1122	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Tái sinh tự nhiên từ rừng trồng đã khai thác	1123	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	<b>Trong đó:</b>	<b>1124</b>	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

STT	Phân loại rừng	Mã	Diện tích thay đổi	Trồng rừng	Rừng trồng đủ tiêu chí thành rừng	Khoanh nuôi tái sinh đủ tiêu chí thành rừng	Khai thác rừng	Cháy rừng	Phá rừng trái pháp luật, lấn chiếm rừng	Chuyển mục đích sử dụng	Thay đổi do sâu bệnh hại rừng, lốc xoáy, hạn hán, lũ lụt, băng tuyết...	Nguyên nhân khác (tăng diện tích, chỉnh lý loại rừng)
-	Cây cao su	1125	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Cây đặc sản	1126	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>II</b>	<b>RỪNG PHÂN THEO ĐIỀU KIỆN LẬP ĐỊA</b>	<b>1200</b>	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>1</b>	<b>Rừng trên núi đất</b>	1210	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>2</b>	<b>Rừng trên núi đá</b>	1220	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>3</b>	<b>Rừng trên đất ngập nước</b>	1230	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Rừng ngập mặn	1231	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Rừng trên đất phèn	1232	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Rừng ngập nước ngọt	1233	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>4</b>	<b>Rừng trên cát</b>	1240	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>III</b>	<b>RỪNG TỰ NHIÊN PHÂN THEO LOÀI CÂY</b>	<b>1300</b>	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>1</b>	<b>Rừng gỗ</b>	1310	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Rừng gỗ lá rộng thường xanh hoặc nửa rụng lá	1311	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Rừng gỗ lá rộng rụng lá	1312	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Rừng gỗ lá kim	1313	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Rừng gỗ hỗn giao lá rộng và lá kim	1313	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>2</b>	<b>Rừng tre nứa</b>	1320	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

STT	Phân loại rừng	Mã	Diện tích thay đổi	Trồng rừng	Rừng trồng đủ tiêu chí thành rừng	Khoanh nuôi tái sinh đủ tiêu chí thành rừng	Khai thác rừng	Cháy rừng	Phá rừng trái pháp luật, lấn chiếm rừng	Chuyển mục đích sử dụng	Thay đổi do sâu bệnh hại rừng, lốc xoáy, hạn hán, lũ lụt, sạt lở, băng tuyết...	Nguyên nhân khác (tăng diện tích, chỉnh lý loại rừng)
-	Nứa	1321	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Vầu	1322	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Tre/luồng	1323	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Lồ ô	1324	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Các loài khác	1325	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>3</b>	<b>Rừng hỗn giao gỗ và tre nứa</b>	1330	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Gỗ là chính	1331	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Tre nứa là chính	1332	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>4</b>	<b>Rừng cau dừa</b>	1340	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>B</b>	<b>DIỆN TÍCH CHƯA THÀNH RỪNG</b>	<b>2000</b>	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Diện tích đã trồng chưa đạt tiêu chí thành rừng	2010	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Diện tích Khoanh nuôi tái sinh chưa đạt tiêu chí thành rừng	2020	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Diện tích khác	2030	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 962/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 3 năm 2023

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình Bình ổn thị trường  
các mặt hàng lương thực, thực phẩm thiết yếu, các mặt hàng  
phục vụ học tập năm 2023 - Tết Giáp Thìn năm 2024  
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật  
Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu  
thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Dự toán ngân sách nhà nước và cải  
thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023;*

*Căn cứ Quyết định số 4556/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban  
nhân dân Thành phố về ban hành Quy chế triển khai Chương trình Bình ổn thị  
trường trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;*

*Căn cứ Quyết định số 200/QĐ-UBND ngày 18 tháng 01 năm 2023 của Ủy ban  
nhân dân Thành phố về giao nhiệm vụ, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2023;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 1285/TTr-SCT ngày  
14 tháng 3 năm 2023 về phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chương trình Bình ổn thị  
trường các mặt hàng lương thực, thực phẩm thiết yếu, các mặt hàng phục vụ học tập  
năm 2023 - Tết Giáp Thìn năm 2024.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Chương trình  
Bình ổn thị trường các mặt hàng lương thực, thực phẩm thiết yếu, các mặt hàng phục

vụ học tập năm 2023 - Tết Giáp Thìn năm 2024 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 2.** Giao Sở Công Thương là cơ quan thường trực, chịu trách nhiệm triển khai thực hiện Kế hoạch này, định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2023.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc các Sở: Sở Công Thương, Sở Tài chính, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Giao thông vận tải, Sở Y tế, Sở Du lịch; Trưởng các Ban: Ban Quản lý An toàn thực phẩm, Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp, Ban Quản lý Khu Công nghệ cao; Giám đốc Ngân hàng Nhà nước - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh; Cục trưởng Cục Quản lý thị trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan và doanh nghiệp tham gia Chương trình Bình ổn thị trường các mặt hàng lương thực, thực phẩm thiết yếu, các mặt hàng phục vụ học tập năm 2023 - Tết Giáp Thìn năm 2024 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**CHỦ TỊCH**

**Phan Văn Mãi**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **KẾ HOẠCH**

**Thực hiện Chương trình Bình ổn thị trường các mặt hàng lương thực,  
thực phẩm thiết yếu, các mặt hàng phục vụ học tập năm 2023 -**

**Tết Giáp Thìn năm 2024 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 962/QĐ-UBND*

*ngày 21 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

### **I. MỤC ĐÍCH - YÊU CẦU**

- Chương trình Bình ổn thị trường năm 2023 - Tết Giáp Thìn năm 2024 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi là *Chương trình*) nhằm chủ động, đảm bảo cung - cầu hàng hóa, ổn định giá cả các mặt hàng thiết yếu; sẵn sàng ứng phó những tình huống cấp bách, nhất là khi xảy ra thiên tai, dịch bệnh.

- Chương trình gắn với thực hiện Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”.

- Chương trình triển khai thực hiện theo hướng xã hội hóa, gắn kết và khai thác tối đa tiềm năng các nguồn lực xã hội, ổn định kinh tế vĩ mô, đảm bảo an sinh xã hội, phù hợp định hướng phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế của Thành phố.

- Hàng hóa trong Chương trình là sản phẩm được sản xuất trong nước, có nguồn gốc, xuất xứ, đảm bảo an toàn thực phẩm, đạt tiêu chuẩn về chất lượng, giá cả phù hợp; có nguồn cung dồi dào, ổn định, đảm bảo cân đối cung cầu và đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của nhân dân Thành phố, kể cả trong trường hợp xảy ra biến động thị trường.

- Chương trình thực hiện kết nối doanh nghiệp với ngân hàng, tổ chức tín dụng để vay vốn nhằm thực hiện nhiệm vụ bình ổn thị trường; khuyến khích doanh nghiệp tăng cường mở rộng đầu tư, hợp tác với đối tác phù hợp tại các tỉnh, Thành phố để đầu tư vùng nguyên liệu, phát triển sản xuất, đổi mới công nghệ nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, giá trị gia tăng, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng người dân Thành phố và mở rộng thị trường.

- Chương trình thúc đẩy phát triển mạng lưới và đa dạng hóa loại hình điểm bán nhằm đảm bảo hàng hóa bình ổn thị trường được phân phối rộng khắp đến người tiêu dùng một cách thuận lợi, nhanh chóng; chú trọng phát triển điểm bán tại các chợ truyền thống, khu chế xuất - khu công nghiệp, khu lưu trú công nhân, khu vực quận ven - huyện ngoại thành trên địa bàn Thành phố; đẩy mạnh cung ứng hàng hóa bình ổn thị trường đến các bếp ăn tập thể, bệnh viện, trường học, xí nghiệp đông công nhân...

- Chương trình thực hiện kết nối các hợp tác xã với các đơn vị phân phối, các khách hàng có nhu cầu nhằm góp phần giải quyết đầu ra cho sản phẩm nông nghiệp và cung ứng hàng hóa ngày càng dồi dào, phong phú cho thị trường Thành phố.

## II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

### 1. Mặt hàng, lượng hàng tham gia Chương trình

#### 1.1. Các mặt hàng lương thực, thực phẩm thiết yếu

- Nhóm hàng: 11 nhóm hàng lương thực, thực phẩm thiết yếu gồm: lương thực (gạo, lương thực chế biến khô, bột...); đường RE, RS; dầu ăn; thịt gia súc; thịt gia cầm; trứng gia cầm; thực phẩm chế biến; rau củ quả; thủy hải sản; gia vị; sữa.

- Lượng hàng:

+ Các tháng thường, lượng hàng bình ổn thị trường chiếm từ 23% đến 31% nhu cầu thị trường, cụ thể:

* Lương thực: 3.912,6 tấn/tháng	* Trứng gia cầm: 56 triệu quả/tháng
* Đường: 1.300 tấn/tháng	* Thực phẩm chế biến: 512,4 tấn/tháng
* Dầu ăn: 1.370 tấn/tháng	* Rau củ quả: 5.751,7 tấn/tháng
* Thịt gia súc: 4.046,6 tấn/tháng	* Thủy hải sản: 134,4 tấn/tháng
* Thịt gia cầm: 6.313,5 tấn/tháng	* Gia vị: 1.834,5 tấn/tháng
* Các mặt hàng sữa: 386,9 tấn/tháng.	

+ Các tháng Tết, lượng hàng bình ổn thị trường chiếm từ 25% đến 43% nhu cầu thị trường, cụ thể:

* Lương thực: 4.890,1 tấn/tháng	* Trứng gia cầm: 69,5 triệu quả/tháng
* Đường: 1.880 tấn/tháng	* Thực phẩm chế biến: 954,5 tấn/tháng
* Dầu ăn: 1.930 tấn/tháng	* Rau củ quả: 9.208,5 tấn/tháng

\* Thịt gia súc: 6.008,1 tấn/tháng \* Thủy hải sản: 208,9 tấn/tháng

\* Thịt gia cầm: 8.385,6 tấn/tháng \* Gia vị: 2.324,3 tấn/tháng

\* Các mặt hàng sữa: 386,9 tấn/tháng.

(Chi tiết tại Phụ lục số 2A, 2B)

## 1.2. Các mặt hàng phục vụ học tập

- Nhóm hàng: 05 nhóm hàng phục vụ học tập năm 2023 - 2024 gồm: tập vở; cặp, ba lô, túi xách; đồng phục học sinh; giày dép học sinh; dụng cụ học tập:

- Lượng hàng bình ổn thị trường chiếm từ 35% đến 50% nhu cầu tiêu dùng của học sinh, sinh viên trên địa bàn Thành phố năm học 2023 - 2024; cụ thể:

\* Tập học sinh: 9,48 triệu quyển \* Đồng phục học sinh: 333.000 bộ

\* Cặp, ba lô, túi xách: 612.300 cái \* Giày, dép học sinh: 124.000 đôi

\* Dụng cụ học tập: 1,5 triệu cuốn (cái).

(Chi tiết tại Phụ lục số 3A, 3B)

## 2. Cơ chế thực hiện Chương trình

- Thời gian thực hiện: 12 tháng, bắt đầu từ ngày 01 tháng 4 năm 2023 đến hết ngày 31 tháng 3 năm 2024.

- Đối tượng, điều kiện, quyền lợi, nghĩa vụ của doanh nghiệp tham gia Chương trình; nguồn vốn thực hiện chương trình; giá bình ổn thị trường; vận chuyển hàng bình ổn thị trường; phân phối hàng bình ổn thị trường: thực hiện theo Quy chế quy định tại Quyết định số 4556/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy chế triển khai Chương trình Bình ổn thị trường trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Khuyến khích doanh nghiệp tham gia Chương trình đầu tư phát triển các loại hình phân phối hiện đại như siêu thị, cửa hàng tiện lợi, chú trọng phát triển điểm bán tại các chợ truyền thống, khu chế xuất - khu công nghiệp, khu lưu trú công nhân, khu vực quận ven - huyện ngoại thành trên địa bàn Thành phố; tích cực tổ chức thực hiện các chuyển bán hàng lưu động và đẩy mạnh cung ứng hàng hóa bình ổn thị trường đến các bếp ăn tập thể; chủ động tổ chức thực hiện các Chương trình khuyến mãi nhằm đẩy mạnh phân phối, xúc tiến tiêu thụ hàng hóa bình ổn thị trường.

- Doanh nghiệp tham gia Chương trình thực hiện nghiêm túc kế hoạch phát triển mạng lưới điểm bán hàng bình ổn thị trường đã đăng ký với Sở Công Thương.

### **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **1. Sở Công Thương**

- Là Cơ quan thường trực, chủ trì triển khai Chương trình theo Quy chế quy định tại Quyết định số 4556/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy chế triển khai Chương trình Bình ổn thị trường trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Chủ trì, phối hợp các cơ quan có liên quan theo dõi sát diễn biến thị trường và tình hình cung - cầu hàng hóa, đặc biệt là hàng hóa tham gia Chương trình, để kịp thời thực hiện biện pháp bình ổn thị trường theo thẩm quyền và tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo thực hiện trong trường hợp vượt thẩm quyền.

- Làm đầu mối tiếp nhận thông tin, phối hợp các đơn vị liên quan xử lý kịp thời khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình tham gia thực hiện Chương trình và đầu tư, phát triển sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp tham gia Chương trình Bình ổn thị trường.

- Chủ động phối hợp Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh hỗ trợ doanh nghiệp huy động vốn thực hiện Chương trình; xử lý kịp thời khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp trong huy động vốn thực hiện Chương trình; tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố chính sách hỗ trợ về vốn cho doanh nghiệp thực hiện Chương trình phù hợp từng thời điểm.

- Chủ động phối hợp Sở Giao thông Vận tải hỗ trợ doanh nghiệp vận chuyển hàng hóa bình ổn thị trường; đảm bảo việc lưu thông, vận chuyển hàng hóa bình ổn thị trường được thông suốt, kịp thời.

- Quản lý hệ thống nhận diện thương hiệu của Chương trình Bình ổn thị trường; thực hiện tuyên truyền mục tiêu, ý nghĩa của Chương trình, quảng bá hệ thống nhận diện thương hiệu của Chương trình; giúp người tiêu dùng thuận lợi trong nhận diện, phân biệt sản phẩm, điểm bán hàng bình ổn thị trường.

- Phối hợp các cơ quan Báo, Đài; cung cấp đầy đủ và kịp thời thông tin về Chương trình và tình hình cung - cầu hàng hóa; Kịp thời đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác thông tin - truyền thông thực hiện Chương trình.

- Chủ trì, phối hợp các cơ quan có liên quan của Tổ Kiểm tra công tác thực hiện các Chương trình Bình ổn thị trường xây dựng kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát năng lực sản xuất, khả năng đảm bảo nguồn hàng, tình hình dự trữ, cung ứng hàng hóa bình ổn thị trường theo quy định của Chương trình; phối hợp các cơ quan có liên quan, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện kiểm tra, giám sát tình hình cung ứng hàng hóa phục vụ bình ổn thị trường trên địa bàn.

- Làm đầu mối phối hợp chặt chẽ với Sở Công Thương các tỉnh, thành, sở ngành Thành phố tổ chức hiệu quả Hội nghị Kết nối cung - cầu hàng hóa giữa Thành phố Hồ Chí Minh với các tỉnh, thành năm 2023.

- Đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố khen thưởng các tập thể, cá nhân tham gia thực hiện tốt Chương trình.

## **2. Sở Tài chính**

- Chủ trì phối hợp sở, ngành, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện theo dõi sát diễn biến giá cả thị trường, thực hiện công bố, điều chỉnh, quản lý giá bình ổn thị trường theo Quy chế quy định tại Quyết định số 4556/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy chế triển khai Chương trình Bình ổn thị trường trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Hướng dẫn, tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ đăng ký Giá bình ổn thị trường của doanh nghiệp; chủ trì phối hợp sở, ngành, doanh nghiệp cung ứng, doanh nghiệp phân phối xem xét, xác định và công bố Giá bình ổn thị trường phù hợp Quy chế quy định tại Quyết định số 4556/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy chế triển khai Chương trình Bình ổn thị trường trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Trên cơ sở danh sách điểm bán hàng bình ổn thị trường do Sở Công Thương cung cấp, Sở Tài chính chủ trì phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, quận, huyện kiểm tra việc niêm yết giá và bán theo giá niêm yết của sản phẩm bình ổn thị trường; xử lý nghiêm theo pháp luật, quy định của Chương trình đối với các trường hợp vi phạm.

## **3. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh**

- Triển khai thông tin liên quan đến Chương trình đến các ngân hàng, tổ chức tín dụng trên địa bàn; phối hợp Sở Công Thương hỗ trợ doanh nghiệp kết nối với các ngân hàng, tổ chức tín dụng, huy động vốn thực hiện Chương trình.

- Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra các tổ chức tín dụng tham gia Chương trình thực hiện việc cho vay theo quy định pháp luật hiện hành, theo nội dung ký kết khi tham gia Chương trình và các quy định khác có liên quan của Chương trình.

- Hướng dẫn, hỗ trợ nghiệp vụ cho các ngân hàng, tổ chức tín dụng tham gia Chương trình thực hiện việc giải ngân vốn vay cho doanh nghiệp bình ổn thị trường nhanh chóng, thuận lợi và đúng quy định của pháp luật hiện hành.

- Tổng hợp hạn mức, mức lãi suất, tình hình giải ngân của các ngân hàng, tổ chức tín dụng tham gia Chương trình; báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố và thông tin về Sở Công Thương, Sở Tài chính để tổng hợp.

#### **4. Sở Giao thông vận tải**

Hỗ trợ và hướng dẫn doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng phương tiện lưu thông vào khu vực nội đô Thành phố Hồ Chí Minh để vận chuyển hàng bình ổn thị trường theo Quy chế quy định tại Quyết định số 4556/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy chế triển khai Chương trình Bình ổn thị trường trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

#### **5. Sở Giáo dục và Đào tạo**

- Phối hợp Sở Công Thương xét chọn nhóm hàng thiết yếu đưa vào Chương trình; giới thiệu doanh nghiệp có uy tín tham gia Chương trình.

- Chủ trì tổ chức thực hiện công tác thông tin - tuyên truyền về Chương trình và các hoạt động liên quan đến Phòng Giáo dục - Đào tạo thành phố Thủ Đức, quận - huyện và các trường học trên địa bàn Thành phố để phụ huynh, học sinh, sinh viên biết và tham gia mua sắm.

- Chủ trì, phối hợp triển khai Kế hoạch thực hiện Chương trình Bình ổn thị trường đối với các mặt hàng phục vụ học tập; tổ chức kết nối, tạo điều kiện cho doanh nghiệp Bình ổn thị trường giới thiệu hàng hóa bình ổn thị trường đến các trường học thuộc phạm vi phụ trách trên địa bàn Thành phố.

- Chỉ đạo Phòng Giáo dục - Đào tạo thành phố Thủ Đức và các quận - huyện phối hợp doanh nghiệp bình ổn thị trường tổ chức bán hàng lưu động, phân phối hàng hóa trong Chương trình đến các trường học, phục vụ học sinh, sinh viên; ưu tiên thực hiện tại các quận ven - huyện ngoại thành.



## **6. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

- Định hướng, giới thiệu, tạo điều kiện cho doanh nghiệp tham gia Chương trình liên kết, đầu tư phát triển chăn nuôi tạo nguồn thực phẩm bình ổn thị trường.

- Giới thiệu các đơn vị chăn nuôi, sản xuất sản phẩm nông nghiệp an toàn và có nguồn hàng ổn định (ưu tiên các sản phẩm đạt chuẩn Viet GAP, Global GAP, HACCP...) tham gia phân phối hoặc cung ứng hàng hóa vào mạng lưới điểm bán của Chương trình.

## **7. Sở Du lịch**

Chủ trì phối hợp Sở Công Thương triển khai thực hiện các hoạt động kết nối tiêu thụ, tuyên truyền, quảng bá sản phẩm bình ổn thị trường và đặc sản vùng miền tại các hệ thống nhà hàng, khách sạn và điểm phục vụ du lịch trên địa bàn Thành phố hoặc thông qua các hội nghị, hội thảo, sự kiện văn hóa...

## **8. Ban Quản lý An toàn thực phẩm**

- Phối hợp Sở Công Thương kiểm soát quy trình sản xuất, chế biến, đảm bảo an toàn thực phẩm của các doanh nghiệp tham gia Chương trình.

- Tổ chức các hình thức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về an toàn thực phẩm; phối hợp với các cơ quan báo, đài tuyên truyền về an toàn thực phẩm, phổ biến quy định của pháp luật nhằm nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm cho doanh nghiệp và người tiêu dùng.

## **9. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

- Phối hợp các cơ quan có liên quan theo dõi tiến độ thực hiện và hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện các dự án sản xuất, cung ứng hàng hoá phục vụ bình ổn thị trường, Chương trình Hợp tác phát triển kinh tế - xã hội đã ký giữa Thành phố và các tỉnh, thành trong nước.

- Chủ trì, phối hợp các cơ quan có liên quan hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp bình ổn thị trường tham gia Chương trình kích cầu đầu tư của Thành phố.

## **10. Sở Thông tin và Truyền thông**

- Chủ trì phối hợp cơ quan báo, đài thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền, giới thiệu, quảng bá về mục tiêu, ý nghĩa của Chương trình, tinh thần trách nhiệm cộng đồng của doanh nghiệp tham gia chương trình bình ổn thị trường.

- Chỉ đạo các cơ quan truyền thông đưa tin chính xác, kịp thời và phù hợp; chấn chỉnh, xử lý đối với việc đưa tin không chính xác, sai lệch, làm ảnh hưởng đến thương hiệu, uy tín của Chương trình.

- Phối hợp Sở Công Thương và các cơ quan có liên quan thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền, giới thiệu, quảng bá về mục tiêu, ý nghĩa của Chương trình, tinh thần trách nhiệm cộng đồng của doanh nghiệp tham gia Chương trình.

### **11. Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp, Ban Quản lý Khu Công nghệ cao**

- Tạo điều kiện, bố trí địa điểm phù hợp để tổ chức bán lưu động hàng hóa bình ổn thị trường phục vụ công nhân, người lao động; đăng ký danh sách địa điểm, thời gian, quy mô tổ chức và các yêu cầu khác (nếu có) gửi về Sở Công Thương để tổng hợp, lập kế hoạch tổ chức bán hàng lưu động.

- Phối hợp Sở Công Thương kết nối doanh nghiệp tham gia Chương trình với các đơn vị liên quan nhằm cung ứng hàng hóa bình ổn thị trường vào các trường học, bệnh viện, bếp ăn tập thể, khu chế xuất - khu công nghiệp và khu công nghệ cao.

- Rà soát, bố trí địa điểm phù hợp và tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tham gia Chương trình thực hiện việc đầu tư phát triển điểm bán hàng bình ổn thị trường phục vụ nhu cầu mua sắm hàng hoá tại các khu chế xuất - khu công nghiệp, khu công nghệ cao.

### **12. Cục Quản lý thị trường**

- Xây dựng và triển khai kế hoạch kiểm tra, kiểm soát thị trường nhằm phát hiện, xử lý theo thẩm quyền, theo quy định của pháp luật đối với các hành vi vi phạm pháp luật như đầu cơ, găm hàng, sản xuất - kinh doanh hàng cấm, hàng lậu, hàng gian, hàng giả, hàng không có hóa đơn, chứng từ, hàng không có nguồn gốc xuất xứ, hàng không có nhãn mác, hàng không đảm bảo an toàn thực phẩm...

- Phối hợp với các cơ quan có liên quan kiểm tra, kiểm soát việc thực hiện các quy định pháp luật về giá.

- Kiểm tra, phát hiện, xử lý theo thẩm quyền, theo quy định pháp luật đối với các trường hợp lợi dụng thương hiệu của Chương trình gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng và làm ảnh hưởng uy tín của Chương trình.

### **13. Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện**

- Quan tâm, hỗ trợ, hướng dẫn doanh nghiệp tham gia chương trình bình ổn hoạt động, sản xuất, kinh doanh đúng quy định pháp luật, quy định của Chương trình và tham gia tích cực các hoạt động kinh tế, xã hội trên địa bàn.

- Tổ chức thông tin - tuyên truyền về Chương trình, doanh nghiệp và điểm bán tham gia Chương trình để nhân dân trên địa bàn biết và tham gia mua sắm.

- Rà soát mặt bằng đang quản lý, sử dụng không hiệu quả, không đúng mục đích, mặt bằng thuộc sở hữu tư nhân có nhu cầu mở điểm bán lẻ... giới thiệu cho doanh nghiệp tham gia Chương trình đầu tư phát triển cửa hàng, siêu thị; hỗ trợ phát triển điểm bán bình ổn thị trường tại các chợ truyền thống.

- Tạo điều kiện, bố trí địa điểm phù hợp để tổ chức bán lưu động hàng hóa bình ổn thị trường phục vụ nhu cầu trên địa bàn; đăng ký danh sách địa điểm, thời gian, quy mô tổ chức và các yêu cầu khác (nếu có) gửi về Sở Công Thương để tổng hợp, lập kế hoạch tổ chức bán hàng lưu động (ưu tiên các quận ven - huyện ngoại thành, các khu chế xuất - khu công nghiệp, nhà máy, xí nghiệp đông công nhân trên địa bàn).

- Chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định của Chương trình tại các điểm bán hàng bình ổn thị trường trên địa bàn; quản lý giá, kiểm tra, kiểm soát việc niêm yết giá và bán theo giá niêm yết. Theo dõi sát, chủ động thông tin và phối hợp Sở Công Thương, Sở Tài chính xử lý kịp thời những bất ổn trong diễn biến cung - cầu hàng hóa và các trường hợp biến động giá trên địa bàn (nếu có).

- Chỉ đạo các phòng - ban và cơ quan, đơn vị trực thuộc tích cực phối hợp, hỗ trợ các sở - ngành và doanh nghiệp tham gia Chương trình thực hiện nhiệm vụ bình ổn thị trường, hỗ trợ cho hoạt động của các phương tiện vận tải vận chuyển hàng hóa bình ổn thị trường và các điểm bán trong Chương trình trên địa bàn.

- Báo cáo tình hình cung - cầu hàng hóa và giá cả thị trường trên địa bàn gửi về Sở Công Thương, Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

**PHỤ LỤC 1****Quy định chế độ báo cáo**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 962/QĐ-UBND ngày 21 tháng 3 năm 2023  
của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)*

**1. Báo cáo tình hình triển khai:**

- Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và quận - huyện, Chi cục Quản lý thị trường báo cáo tình hình kiểm tra, công tác niêm yết giá hàng hoá trong Chương trình tại các điểm bán hàng bình ổn thị trường; đánh giá tình hình giá cả thị trường liên quan đến các mặt hàng trong Chương trình theo địa bàn quản lý.

- Ban Quản lý chợ đầu mối nông sản thực phẩm (Bình Điền, Thủ Đức, Hóc Môn) và chợ trung tâm (Bến Thành, An Đông, Bình Tây, Bà Chiểu, Tân Bình, Phạm Văn Hai,...) báo cáo tình hình giá cả các mặt hàng trong Chương trình kinh doanh tại chợ.

- Các doanh nghiệp tham gia Chương trình báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch được giao.

- Thời gian báo cáo: trước 15 giờ, ngày 05 hàng tháng.

- Báo cáo gửi về: Sở Công Thương - 163 Hai Bà Trưng, quận 3.

Sở Tài chính - 142 Nguyễn Thị Minh Khai, quận 3.

**2. Báo cáo tổng hợp:**

Sở Công Thương tổng hợp và báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố vào ngày 10 hàng tháng về tình hình thực hiện Chương trình trong tháng liền trước.

Bộ phận thường trực của Chương trình

Điện thoại: 028. 3829 1670 Fax: 028. 3829 6389

Email: binhonthitruong@tphcm.gov.vn

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

**PHỤ LỤC 2A**

**Danh sách doanh nghiệp tham gia Chương trình Bình ổn thị trường  
các mặt hàng lương thực, thực phẩm thiết yếu năm 2023 - Tết Giáp Thìn  
năm 2024 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

*(Ban hành theo Quyết định số 962/QĐ-UBND ngày 21/3/2023  
của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

STT	ĐƠN VỊ	ĐVT	THÁNG THƯỜNG	THÁNG TẾT
<b>1</b>	<b>Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại thành phố Hồ Chí Minh</b>			
	Gạo	Tấn	1,270	1,800
	+ Gạo trắng thường	Tấn	370	500
	+ Gạo trắng thơm	Tấn	900	1,300
	Đường RE	Tấn	900	1,400
	Dầu ăn	Tấn	670	1,090
	Thịt gia súc	Tấn	1,550	1,990
	Thịt gia cầm	Tấn	745	975
	+ Thịt gà ta	Tấn		440
	+ Thịt gà thả vườn	Tấn	330	535
	+ Thịt gà công nghiệp	Tấn	415	
	Trứng gia cầm	Triệu quả	2.5	3.1
	+ Trứng gà	Triệu quả	1.5	2.1
	+ Trứng vịt	Triệu quả	1.0	1.1
	Thực phẩm chế biến	Tấn	250	550
	Rau củ quả	Tấn	2,000	4,500
	Thủy hải sản đông lạnh	Tấn	126	195
<b>2</b>	<b>Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV</b>			
	Gạo	Tấn	8.3	9.0

	Mì, Bún, Phở, Miến khô	Tấn	26.6	29.3
	Thịt gia súc	Tấn	17.6	21.1
	Thịt gia cầm	Tấn	13.9	15.4
	Trứng gia cầm	Triệu quả	0.5	0.5
	+ Trứng gà	Triệu quả	0.4	0.4
	+ Trứng vịt	Triệu quả	0.1	0.1
	Thực phẩm chế biến	Tấn	1.9	2.2
	Thủy hải sản khô	Tấn	0.4	0.4
	Nước mắm, nước tương, tương ớt	Tấn	1.0	1.2
	Tương ớt, tương cà	Tấn	9.5	10.4
<b>3</b>	<b>Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh</b>			
	Gạo	Tấn	1,000	1,200
	Dầu ăn	Tấn	700	840
	Đường	Tấn	400	480
	Nước mắm	Tấn	600	720
<b>4</b>	<b>Tập đoàn Cental Retail tại Việt Nam (đại diện bởi Công ty TNHH Dịch vụ EB)</b>			
	Gạo Thơm	Tấn	1.25	1.50
	Bún, Phở	Tấn	0.08	0.12
	Thịt gia súc	Tấn	39	67
	Nước mắm	Tấn	0.31	0.40
	Sữa và sản phẩm dinh dưỡng	Tấn	1.14	1.14
<b>5</b>	<b>Công ty TNHH MM Mega Market (Việt Nam)</b>			
	Rau củ quả	Tấn	7.48	6.58
	Thịt gà thả vườn	Tấn	1.54	1.76
	Trứng gà	Triệu	0.55	0.71

		quả		
	Sữa nước các loại	Tấn	1.65	1.65
<b>6</b>	<b>Công ty CP Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Wincommerce</b>			
	Gạo thơm	Tấn	2.40	5.00
	Trứng gà	Triệu quả	0.51	0.97
	Thực phẩm chế biến	Tấn	3.00	5.20
<b>7</b>	<b>Công ty TNHH MTV Hội nhập Phát triển Đông Hưng</b>			
	Gạo	Tấn	3.00	8.00
	Bún, Mì, Phở	Tấn	0.30	0.60
	Trứng gà	Triệu quả	0.08	0.12
	Trứng vịt	Triệu quả	0.01	0.01
<b>8</b>	<b>Công ty TNHH GS 25 VIETNAM</b>			
	Gạo Thơm Jasmine	Tấn	0.36	0.36
<b>9</b>	<b>Công ty Cổ phần ĐT TM DV Gigamall Việt Nam</b>			
	Gạo (gạo thường và gạo thơm)	Tấn	50	65
<b>10</b>	<b>Công ty TNHH Gạo Vinh Phát Wilmar</b>			
	Gạo Thiên Kim Tây Đô	Tấn	100	300
	Gạo Thiên Kim Hương Lài	Tấn	200	400
<b>11</b>	<b>Công ty CP Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh</b>			
	Gạo thông dụng 1 (TD1)	Tấn	250	250
	Gạo Thơm Jasmine	Tấn	150	150
<b>12</b>	<b>Công ty TNHH Lương thực Tấn Vương</b>			
	Gạo trắng Hạt dài	Tấn	150	180
	Gạo Thơm Jasmine	Tấn	120	150

<b>13</b>	<b>Công ty Cổ phần Thực phẩm Bình Tây</b>			
	Mì gói - Mì tô	Tấn	34.2	41.0
	Bún - Bánh hỏi	Tấn	24.6	29.5
	Phở gói - phở tô	Tấn	6.6	7.9
	Miến	Tấn	9.6	11.5
	Hủ tiếu	Tấn	2.3	2.8
	Nước tương, nước chấm	Tấn	10.2	12.2
<b>14</b>	<b>Công ty cổ phần Lương thực thực phẩm Colusa - Miliket</b>			
	Mì ăn liền	Tấn	14	18
	Hủ tiếu ăn liền	Tấn	3	5
<b>15</b>	<b>Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ Nghệ Súc Sản - VISSAN</b>			
	Thịt heo	Tấn	360	380
<b>16</b>	<b>Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn TNHH MTV</b>			
	Thịt heo tươi sống	Tấn	210	250
	Thịt gà thả vườn, đóng gói nguyên con	Tấn	63	140
	Thực phẩm chế biến	Tấn	31.5	70.0
<b>17</b>	<b>Công ty Cổ phần Chăn nuôi C.P Việt Nam</b>			
	Thịt heo măn	Tấn	600	1,200
	Trứng gà	Triệu quả	10	15
<b>18</b>	<b>Công ty TNHH Anh Hoàng Thy</b>			
	Thịt gia súc	Tấn	420	900
<b>19</b>	<b>Công ty TNHH FEDDY</b>			
	Thịt gia súc	Tấn	375	550
<b>20</b>	<b>Công ty TNHH GREENFIQUE</b>			



	Thịt gia súc	Tấn	375	550
<b>21</b>	<b>Công ty TNHH San Hà</b>			
	Thịt gia súc	Tấn	100	100
	Thịt gà ta Ngọc Hà	Tấn	920	1,943.5
	Thịt gà công nghiệp	Tấn	2,300	2,300
	Thịt gà thả vườn	Tấn	575	690
	Thịt vịt nguyên con	Tấn	575	632.5
	Sản phẩm thịt gia cầm pha lóc	Tấn	920	1,437.5
<b>22</b>	<b>Công ty TNHH Chăn nuôi Long Bình</b>			
	Thịt gà công nghiệp	Tấn	200	250
	Trứng gà	Triệu quả	0.10	0.15
<b>23</b>	<b>Công ty Cổ phần Ba Huân</b>			
	Trứng gà	Triệu quả	24.1	27.3
	Trứng vịt	Triệu quả	16.2	18.5
<b>24</b>	<b>Công ty Cổ phần Thực phẩm Vĩnh Thành Đạt</b>			
	Trứng gà	Triệu quả	1.0	2.0
	Trứng vịt	Triệu quả	0.5	1.0
<b>25</b>	<b>Công ty Cổ phần Sài Gòn Food</b>			
	Thực phẩm chế biến	Tấn	76	96
<b>26</b>	<b>Công ty TNHH SX Thương mại Nông sản Phong Thúy</b>			
	Rau củ quả	Tấn	700	1,000
<b>27</b>	<b>Công ty TNHH MTV Thực phẩm Ánh Nhi</b>			
	Rau củ quả	Tấn	450	550
<b>28</b>	<b>Công ty TNHH Xuân Thái Thịnh</b>			

	Rau củ quả	Tấn	250	300
<b>29</b>	<b>Hợp tác xã Nông nghiệp Thương mại Dịch vụ Phú Lộc</b>			
	Rau củ quả	Tấn	400	500
<b>30</b>	<b>Hợp tác xã Nông nghiệp Thương mại và Dịch vụ Phước An</b>			
	Rau củ quả	Tấn	619.5	767
<b>31</b>	<b>Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp Tổng hợp Anh Đào</b>			
	Rau củ quả	Tấn	598.5	600
<b>32</b>	<b>Công ty TNHH Nông sản Thực phẩm Thảo Nguyên</b>			
	Rau củ quả	Tấn	562.8	696.8
<b>33</b>	<b>Công ty Cổ phần Vinamit</b>			
	Rau củ quả	Tấn	40	60
	Trái cây sấy	Tấn	50	80
<b>34</b>	<b>Công ty TNHH Rau Củ Quả Trường Phát</b>			
	Rau củ quả	Tấn	8.4	10.1
<b>35</b>	<b>Công ty TNHH Thực phẩm Nam Việt Food</b>			
	Rau củ quả	Tấn	90	180
<b>36</b>	<b>Công ty Cổ phần kinh doanh thủy hải sản Sài Gòn</b>			
	Thực phẩm chế biến	Tấn	3.8	5.5
	Nước mắm cá cơm Bản Việt	Tấn	0.5	1.0
<b>37</b>	<b>Công ty Cổ phần Thực phẩm CHOLIMEX</b>			
	Tương ớt, tương cà	Tấn	513	729
	Nước tương, nước mắm	Tấn	700	850
<b>38</b>	<b>Công ty Cổ phần Vựa Hải sản Xanh</b>			
	Thủy hải sản	Tấn	5	10

	<b>Công ty Cổ Phần Sản Xuất Thực Phẩm Anh Kim</b>			
	Thực phẩm đóng gói (cháo tươi, súp dinh dưỡng)	Tấn	96.2	145.6
<b>39</b>	<b>Công ty Cổ phần Siêu thị KPS</b>			
	Gạo	Tấn	6.0	7.0
	Rau củ quả, trái cây	Tấn	25.0	38.0
	Thủy hải sản	Tấn	3.0	3.5
<b>40</b>	<b>Công ty Liên doanh Bột Quốc tế</b>			
	Bột	Tấn	480.0	218.5
<b>41</b>	<b>Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam</b>			
	Sữa bột các loại	Tấn	1.4	1.4
<b>42</b>	<b>Công ty Cổ phần Chuối Thực phẩm TH</b>			
	Sữa nước các loại	Tấn	361.5	361.5
<b>43</b>	<b>Công ty Cổ phần Thực phẩm Dinh dưỡng NutiFood</b>			
	Sữa bột các loại	Tấn	8.2	8.2
	Sữa nước các loại	Tấn	4	4
<b>44</b>	<b>Công ty Cổ phần Thực phẩm An toàn Long Quân</b>			
	Sữa chua uống	Tấn	9	9

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**PHỤ LỤC 2B**

**Lượng hàng thực hiện Chương trình Bình ổn thị trường  
các mặt hàng lương thực, thực phẩm thiết yếu năm 2023 - Tết Giáp Thìn  
năm 2024 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

*(Ban hành theo Quyết định số 962/QĐ-UBND ngày 21/3/2023  
của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

STT	MẶT HÀNG	ĐVT	THÁNG THƯỜNG	THÁNG TẾT
<b>I</b>	<b>LƯƠNG THỰC</b>	<b>Tấn</b>	<b>3,912.6</b>	<b>4,890.1</b>
<b>1</b>	<b>Gạo</b>	<b>Tấn</b>	<b>3,311.3</b>	<b>4,525.9</b>
1.1	Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại thành phố Hồ Chí Minh	Tấn	1,270.0	1,800.0
1.2	Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV	Tấn	8.3	9.0
1.3	Công ty TNHH Gạo Vinh Phát Wilmar	Tấn	300.0	700.0
1.4	Công ty CP Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh	Tấn	400.0	400.0
1.5	Công ty TNHH Lương thực Tấn Vương	Tấn	270.0	330.0
1.6	Tập đoàn Cental Retail tại Việt Nam (đại diện bởi Công ty TNHH Dịch vụ EB)	Tấn	1.3	1.5
1.7	Công ty TNHH MTV Hội nhập Phát triển Đông Hưng	Tấn	3.0	8.0
1.8	Công ty Cổ phần ĐT TM DV Gigamall Việt Nam	Tấn	50.0	65.0
1.9	Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Tấn	1,000.0	1,200.0
1.10	Công ty TNHH GS 25 VIETNAM	Tấn	0.4	0.4
1.11	Công ty CP Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Wincommerce	Tấn	2.4	5.0
1.12	Công ty Cổ phần Siêu thị KPS	Tấn	6.0	7.0
<b>2</b>	<b>Mì, bún, phở, hủ tiếu, miến... khô</b>	<b>Tấn</b>	<b>121.3</b>	<b>145.8</b>
2.1	Công ty Cổ phần Thực phẩm Bình Tây	Tấn	77.3	92.8

2.2	Công ty cổ phần Lương thực thực phẩm Colusa - Miliket	Tấn	17.0	23.0
2.3	Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV	Tấn	26.6	29.3
2.4	Tập đoàn Cental Retail tại Việt Nam (đại diện bởi Công ty TNHH Dịch vụ EB)	Tấn	0.1	0.1
2.5	Công ty TNHH MTV Hội nhập Phát triển Đông Hưng	Tấn	0.3	0.6
<b>3</b>	<b>BỘT CÁC LOẠI</b>	<b>Tấn</b>	<b>480.0</b>	<b>218.5</b>
	Công ty Liên doanh Bột Quốc tế	Tấn	480.0	218.5
<b>II</b>	<b>ĐƯỜNG</b>	<b>Tấn</b>	<b>1,300</b>	<b>1,880</b>
1	Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại thành phố Hồ Chí Minh	Tấn	900	1,400
2	Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Tấn	400	480
<b>III</b>	<b>DẦU ĂN</b>	<b>Tấn</b>	<b>1,370</b>	<b>1,930</b>
1	Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại thành phố Hồ Chí Minh	Tấn	670	1,090
2	Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Tấn	700	840
<b>IV</b>	<b>THỊT GIA SÚC</b>	<b>Tấn</b>	<b>4,046.6</b>	<b>6,008.1</b>
1	Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại thành phố Hồ Chí Minh	Tấn	1,550.0	1,990.0
2	Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV	Tấn	17.6	21.1
3	Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn TNHH MTV	Tấn	210.0	250.0
4	Công ty Cổ phần Chăn nuôi C.P Việt Nam	Tấn	600.0	1,200.0
5	Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ Nghệ Súc Sản - VISSAN	Tấn	360.0	380.0
6	Công ty TNHH San Hà	Tấn	100.0	100.0
7	Tập đoàn Cental Retail tại Việt Nam (đại diện bởi Công ty TNHH Dịch vụ EB)	Tấn	39.0	67.0
8	Công ty TNHH Anh Hoàng Thy	Tấn	420.0	900.0
9	Công ty TNHH FEDDY	Tấn	375.0	550.0

10	Công ty TNHH GREENFIQUE	Tấn	375.0	550.0
<b>V</b>	<b>THỊT GIA CẦM</b>	<b>Tấn</b>	<b>6,313.5</b>	<b>8,385.6</b>
1	Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại thành phố Hồ Chí Minh	Tấn	745.0	975.0
2	Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV	Tấn	13.9	15.4
3	Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn TNHH MTV	Tấn	63.0	140.0
4	Công ty TNHH San Hà	Tấn	5,290.0	7,003.5
5	Công ty TNHH Chăn nuôi Long Bình	Tấn	200.0	250.0
7	Công ty TNHH MM Mega Market (Việt Nam)	Tấn	1.5	1.8
<b>VI</b>	<b>TRỨNG GIA CẦM</b>	<b>Tấn</b>	<b>56</b>	<b>69.5</b>
<b>1</b>	<b>Trứng gà</b>	<b>Tấn</b>	<b>37.7</b>	<b>47.8</b>
1.1	Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại thành phố Hồ Chí Minh	Triệu quả	1.5	2.1
1.2	Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV	Triệu quả	0.4	0.4
1.3	Công ty Cổ phần Ba Huân	Triệu quả	24.1	27.3
1.4	Công ty Cổ phần Thực phẩm Vĩnh Thành Đạt	Triệu quả	1.0	2.0
1.5	Công ty Cổ phần Chăn nuôi C.P Việt Nam	Triệu quả	10.0	15.0
1.6	Công ty TNHH Chăn nuôi Long Bình	Triệu quả	0.1	0.2
1.7	Công ty TNHH MM Mega Market (Việt Nam)	Triệu quả	0.5	0.7
1.8	Công ty TNHH MTV Hội nhập Phát triển Đông Hưng	Triệu quả	0.1	0.1
<b>2</b>	<b>Trứng vịt</b>	<b>Triệu quả</b>	<b>18.3</b>	<b>21.7</b>
2.1	Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại thành phố Hồ Chí Minh	Triệu quả	1.0	1.1
2.2	Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV	Triệu quả	0.1	0.1
2.3	Công ty Cổ phần Ba Huân	Triệu	16.2	18.5

		quả		
2.4	Công ty Cổ phần Thực phẩm Vĩnh Thành Đạt	Triệu quả	0.5	1.0
2.5	Công ty TNHH MTV Hội nhập Phát triển Đông Hưng	Triệu quả	0.0	0.0
2.6	Công ty CP Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Wincommerce	Triệu quả	0.5	1.0
<b>VII</b>	<b>THỰC PHẨM CHẾ BIẾN</b>	<b>Tấn</b>	<b>512.4</b>	<b>954.5</b>
1	Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại thành phố Hồ Chí Minh	Tấn	250.0	550.0
2	Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV	Tấn	1.9	2.2
3	Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn TNHH MTV	Tấn	31.5	70.0
4	Công ty Cổ phần Sài Gòn Food	Tấn	76.0	96.0
5	Công ty Cổ phần kinh doanh thủy hải sản Sài Gòn	Tấn	3.8	5.5
6	Công ty CP Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Wincommerce	Tấn	3.0	5.2
7	Công ty Cổ phần Vinamit	Tấn	50.0	80.0
8	Công ty Cổ Phần Sản Xuất Thực Phẩm Anh Kim	Tấn	96.2	145.6
<b>VIII</b>	<b>RAU CỦ QUẢ</b>	<b>Tấn</b>	<b>5,751.7</b>	<b>9,208.5</b>
1	Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại thành phố Hồ Chí Minh	Tấn	2,000.0	4,500.0
2	Công ty TNHH SX Thương mại Nông sản Phong Thúy	Tấn	700.0	1,000.0
3	Công ty TNHH MTV Thực phẩm Ánh Nhi	Tấn	450.0	550.0
4	Công ty TNHH Xuân Thái Thịnh	Tấn	250.0	300.0
5	Hợp tác xã Nông nghiệp Thương mại Dịch vụ Phú Lộc	Tấn	400.0	500.0
6	Hợp tác xã Nông nghiệp Thương mại và Dịch vụ Phước An	Tấn	619.5	767.0
7	Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp Tổng hợp Anh Đào	Tấn	598.5	600.0

8	Công ty TNHH Nông sản Thực phẩm Thảo Nguyên	Tấn	562.8	696.8
9	Công ty TNHH MM Mega Market (Việt Nam)	Tấn	7.5	6.6
10	Công ty Cổ phần Vinamit	Tấn	40.0	60.0
11	Công ty TNHH Rau Củ Quả Trường Phát	Tấn	8.4	10.1
12	Công ty TNHH Thực phẩm Nam Việt Food	Tấn	90.0	180.0
13	Công ty Cổ phần Siêu thị KPS	Tấn	25.0	38.0
<b>IX</b>	<b>THUỖ HẢI SẢN</b>	<b>Tấn</b>	<b>134.4</b>	<b>208.9</b>
1	Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại thành phố Hồ Chí Minh	Tấn	126.0	195.0
2	Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV	Tấn	0.4	0.4
3	Công ty Cổ phần Siêu thị KPS	Tấn	3.0	3.5
4	Công ty Cổ phần Vừa Hải sản Xanh	Tấn	5.0	10.0
<b>X</b>	<b>GIA VỊ (nước tương, nước chấm, nước mắm, tương ớt, tương cà...)</b>	<b>Tấn</b>	<b>1,834.5</b>	<b>2,324.3</b>
1	Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV	Tấn	10.5	11.6
2	Công ty Cổ phần Thực phẩm Bình Tây	Tấn	10.2	12.2
3	Tập đoàn Cental Retail tại Việt Nam (đại diện bởi Công ty TNHH Dịch vụ EB)	Tấn	0.3	0.4
4	Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Tấn	600.0	720.0
5	Công ty Cổ phần kinh doanh thủy hải sản Sài Gòn	Tấn	0.5	1.0
6	Công ty Cổ phần Thực phẩm CHOLIMEX	Tấn	1,213.0	1,579.0
<b>XI</b>	<b>SỮA, SẢN PHẨM DINH DƯỠNG (sữa bột, sữa nước, sữa chua...)</b>	<b>Tấn</b>	<b>386.9</b>	<b>386.9</b>
1	Tập đoàn Cental Retail tại Việt Nam (đại diện bởi Công ty TNHH Dịch vụ EB)	Tấn	1.1	1.1
2	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	Tấn	1.4	1.4



3	Công ty Cổ phần Chuỗi Thực phẩm TH	Tấn	361.5	361.5
4	Công ty Cổ phần Thực phẩm Dinh dưỡng NutiFood	Tấn	12.2	12.2
5	Công ty Cổ phần Thực phẩm An toàn Long Quân	Tấn	9.0	9.0
6	Công ty TNHH MM Mega Market (Việt Nam)	Tấn	1.7	1.7

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**PHỤ LỤC 3A****Danh sách doanh nghiệp tham gia Chương trình Bình ổn thị trường  
các mặt hàng phục vụ học tập năm học 2023 - 2024****trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh***(Ban hành theo Quyết định số 962/QĐ-UBND ngày 21/3/2023**của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

<b>STT</b>	<b>ĐƠN VỊ</b>	<b>ĐVT</b>	<b>Lượng hàng phục vụ học tập năm học 2023 - 2024</b>
<b>1</b>	<b>Liên hiệp HTX Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh</b>		
	Đồng phục học sinh	Bộ	33,000
	Tập học sinh	Quyển	810,000
<b>2</b>	<b>Công ty Cổ phần May Sài Gòn 2</b>		
	Đồng phục học sinh	Bộ	300,000
<b>3</b>	<b>Công ty Cổ phần Văn hóa Nhân Văn</b>		
	Tập học sinh	Quyển	150,000
	Cặp học sinh	Cái	50,000
<b>4</b>	<b>Công ty Cổ phần Phát hành sách thành phố Hồ Chí Minh - FAHASA</b>		
	Tập học sinh	Quyển	1,000,000
	Dụng cụ học tập: giấy kiểm tra, giấy thủ công, giấy bao tập, giấy kê tay, nhãn học sinh, tập chép nhạc, sổ giáo án, tập vẽ, thời khóa biểu,...	Cuốn/ Cái	1,500,000
<b>5</b>	<b>Công ty Cổ phần Giấy Vĩnh Tiến</b>		
	Tập học sinh	Quyển	6,000,000
<b>6</b>	<b>Công ty Cổ phần Tập Việt</b>		
	Tập học sinh	Quyển	1,500,000
<b>7</b>	<b>Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Hương Mi</b>		

	Cặp học sinh	Cái	150,000
	Ba lô học sinh	Cái	300,000
<b>8</b>	<b>Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Trương Vui</b>		
	Ba lô học sinh	Cái	32,000
	Cặp học sinh	Cái	15,000
	Túi xách các loại	Cái	5,000
<b>9</b>	<b>Công ty TNHH LILA MITI</b>		
	Cặp học sinh	Cái	60,000
<b>10</b>	<b>Công ty TNHH Nhựa Thương Mại Liên Đoàn</b>		
	Giày dép học sinh	Đôi	124,000
<b>11</b>	<b>Công ty TNHH MM Mega Market (Việt Nam)</b>		
	Tập học sinh	Quyển	18,000
	Ba lô	Cái	300
	Cặp học sinh	Cái	300

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**PHỤ LỤC 3B****Lượng hàng thực hiện Chương trình Bình ổn thị trường các mặt hàng phục vụ học tập năm học 2023 - 2024 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh***(Ban hành theo Quyết định số 962/QĐ-UBND ngày 21/3/2023**của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

<b>STT</b>	<b>Nhóm hàng</b>	<b>ĐVT</b>	<b>Lượng hàng phục vụ học tập năm học 2023 - 2024</b>
<b>I</b>	<b>ĐỒNG PHỤC HỌC SINH</b>	<b>Bộ</b>	<b>333,000</b>
1	Liên hiệp HTX Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh	Bộ	33,000
2	Công ty Cổ phần May Sài Gòn 2	Bộ	300,000
<b>II</b>	<b>TẬP HỌC SINH</b>	<b>Quyển</b>	<b>9,478,000</b>
1	Liên hiệp HTX Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh	Quyển	810,000
2	Công ty Cổ phần Văn hóa Nhân Văn	Quyển	150,000
3	Công ty Cổ phần Phát hành sách thành phố Hồ Chí Minh - FAHASA	Quyển	1,000,000
4	Công ty Cổ phần Giấy Vĩnh Tiến	Quyển	6,000,000
5	Công ty Cổ phần Tập Việt	Quyển	1,500,000
6	Công ty TNHH MM Mega Market (Việt Nam)	Quyển	18,000
<b>III</b>	<b>CẶP, BA LÔ HỌC SINH</b>	<b>Cái</b>	<b>612,300</b>
1	Công ty Cổ phần Văn hóa Nhân Văn	Cái	50,000
2	Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Hương Mì	Cái	450,000
3	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Trương Vui	Cái	52,000
4	Công ty TNHH LILA MITI	Cái	60,000
5	Công ty TNHH MM Mega Market (Việt Nam)	Cái	300

	Nam)		
<b>IV</b>	<b>GIÀY DÉP HỌC SINH</b>	<b>Đôi</b>	<b>124,000</b>
1	Công ty TNHH Nhựa Thương Mại Liên Đoàn	Đôi	124,000
<b>V</b>	<b>DỤNG CỤ HỌC TẬP</b>	<b>Cuốn/ Cái</b>	<b>1,500,000</b>
1	Công ty Cổ phần Phát hành sách thành phố Hồ Chí Minh - FAHASA	Cuốn/ Cái	1,500,000

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 973/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2023

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc sửa đổi, bổ sung thời gian trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân Thành phố quy định chi tiết các luật được Quốc hội thông qua theo Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 3465/QĐ-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2022 và Quyết định số 924/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 06 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật;*

*Thực hiện Công văn số 4842/BTP-VĐCXDPL ngày 17 tháng 12 năm 2019 và Công văn số 4628/BTP-VĐCXDPL ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tư pháp về việc thông báo các nội dung giao địa phương quy định chi tiết các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XIV thông qua tại Kỳ họp thứ 6 và Kỳ họp thứ 9;*

*Thực hiện Công văn số 4628/BTP-VĐCXDPL ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tư pháp về việc thông báo các nội dung giao địa phương quy định chi tiết các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XIV thông qua tại Kỳ họp thứ 10;*

*Theo đề nghị của Sở Tư pháp tại Công văn số 496/STP-VB ngày 10 tháng 02 năm 2023 và kết quả lấy ý kiến Thường trực Ủy ban nhân dân Thành phố theo Công văn số 1524/VP-PCNC ngày 01 tháng 3 năm 2023 của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung thời gian trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân Thành phố quy định chi tiết các luật được Quốc hội thông qua theo Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 3465/QĐ-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố như sau:

1. Thời gian trình Quyết định ban hành quy định về các tiêu chí bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai trong sử dụng công trình, nhà ở đối với hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn Thành phố trong Quý II năm 2023.

2. Thời gian trình Quyết định quy định bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác trên địa bàn Thành phố trong Quý III năm 2023.

3. Thời gian trình Quyết định ban hành quy định về quy mô, chiều cao công trình xây dựng được cấp giấy phép xây dựng có thời hạn trên địa bàn trên địa bàn Thành phố trong Quý II năm 2023.

**Điều 2.** Sửa đổi, bổ sung thời gian trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân Thành phố quy định chi tiết các luật được Quốc hội thông qua theo Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 924/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố như sau:

1. Thời gian trình Quyết định ban hành Quy định về việc khuyến khích, tổ chức thực hiện xã hội hóa đầu tư xây dựng, kinh doanh và vận hành công trình hạ tầng bảo vệ môi trường tại các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung trên địa bàn Thành phố trong năm 2023.

2. Thời gian trình Quyết định ban hành Quy định về việc khuyến khích, tổ chức thực hiện xã hội hóa đầu tư xây dựng, kinh doanh và vận hành công trình hạ tầng bảo vệ môi trường đối với cụm công nghiệp trên địa bàn Thành phố trong năm 2023.

3. Thời gian trình Quyết định ban hành cơ chế chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho hoạt động xử lý chất thải, xây dựng cảnh quan, bảo vệ môi trường nông thôn trong năm 2023.

4. Thời gian trình Quyết định ban hành Quy định về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế và quản lý các chất ô nhiễm liên quan đến các vấn đề về bệnh tật và sức khỏe con người trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh trong năm 2023.

5. Thời gian trình Quyết định ban hành Quy định về việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn xây dựng và bùn thải từ bể phốt, hầm cầu trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh trong năm 2023.

6. Thời gian trình Quyết định ban hành Quy định về khu vực, địa điểm đổ thải, nhận chìm đối với vật chất nạo vét từ hệ thống giao thông đường thủy nội địa và đường biển; có giải pháp phân luồng giao thông, kiểm soát ô nhiễm môi trường nhằm hạn chế ô nhiễm môi trường không khí đối với đô thị loại đặc biệt, đô thị loại một trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh trong năm 2023.

7. Thời gian trình Quyết định ban hành quy định về quản lý chất thải và thực hiện chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho hoạt động quản lý chất thải trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh trong năm 2023.

8. Thời gian trình Quyết định ban hành Quy định về việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt khác quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường năm



2020 và chính sách khuyến khích việc phân loại riêng chất thải nguy hại trong chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh trong năm 2023.

9. Thời gian trình Quyết định ban hành Quy định về việc phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải công kênh trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh trong năm 2023.

10. Thời gian trình Quyết định ban hành Quy định về thời gian, tuyến đường vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh trong năm 2023.

11. Thời gian trình Quyết định ban hành Quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân; giá cụ thể đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt; hình thức và mức kinh phí hộ gia đình, cá nhân phải chi trả cho công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt dựa trên khối lượng hoặc thể tích chất thải đã được phân loại trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh trong Quý II năm 2023.

12. Thời gian trình Quyết định ban hành Quy định về yêu cầu kỹ thuật, thời gian và tuyến đường hoạt động của phương tiện vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh trong năm 2023.

13. Thời gian trình Quyết định ban hành Quy định về thời gian và tuyến đường hoạt động của phương tiện vận chuyển chất thải nguy hại trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh trong năm 2023.

14. Thời gian trình Quyết định ban hành lộ trình bố trí quỹ đất, đầu tư hoặc khuyến khích đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải đô thị, khu dân cư tập trung trong trường hợp chưa có hệ thống thu gom, xử lý nước thải trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh trong năm 2023.

15. Thời gian trình Quyết định ban hành lộ trình và chính sách hỗ trợ đề tổ chức, hộ gia đình trong đô thị, khu dân cư tập trung xây dựng công trình, lắp đặt thiết bị xử lý nước thải tại chỗ đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường trước khi thải vào nguồn tiếp nhận trong trường hợp không bố trí được quỹ đất xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải tại khu đô thị, khu dân cư tập trung đã

hình thành trước ngày Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 có hiệu lực thi hành trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh là sau khi Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định hướng dẫn về công nghệ, kỹ thuật xử lý nước thải tại chỗ theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

16. Thời gian trình Quyết định ban hành lộ trình thực hiện và chính sách hỗ trợ thu gom, xử lý tại chỗ nước thải sinh hoạt phát sinh từ tổ chức, hộ gia đình, tại các khu dân cư không tập trung trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh là sau khi Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định hướng dẫn về công nghệ, kỹ thuật xử lý nước thải tại chỗ theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

17. Thời gian trình Quyết định ban hành quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh là sau khi Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định hướng dẫn về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với lĩnh vực môi trường theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

### **Điều 3. Tổ chức thực hiện**

1. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố được phân công chủ trì soạn thảo có trách nhiệm triển khai thực hiện việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân Thành phố, bảo đảm chất lượng, tiến độ soạn thảo, thời hạn được giao theo Quyết định này và sử dụng kinh phí đúng mục đích, nội dung, chế độ đã quy định.

2. Sở Tư pháp có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai thực hiện Quyết định này và báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về tình hình ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân Thành phố.

3. Sở Nội vụ có trách nhiệm nghiên cứu, tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố việc xem xét trách nhiệm người đứng đầu của các đơn vị theo quy định trong trường hợp các đơn vị được phân công theo danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 3465/QĐ-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2022 và Quyết định số 924/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố chưa tham mưu, trình dự thảo văn bản theo đúng tiến độ được giao tại Điều 1 và Điều 2 Quyết định này.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các nội dung khác thực hiện theo Quyết định số 3465/QĐ-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2022 và Quyết định số 924/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, Thành phố Thủ Đức có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Ngô Minh Châu**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1025/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 3 năm 2023

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình bình ổn  
thị trường các mặt hàng được phẩm thiết yếu  
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm 2023 - 2024**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật  
Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2023 của Chính phủ về  
nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Dự toán  
ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh  
tranh quốc gia năm 2023;*

*Căn cứ Quyết định số 4556/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban  
nhân dân Thành phố về ban hành Quy chế triển khai Chương trình Bình ổn thị  
trường trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;*

*Căn cứ Quyết định số 200/QĐ-UBND ngày 18 tháng 01 năm 2023 của Ủy ban  
nhân dân Thành phố về giao nhiệm vụ, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2023;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 1851/TTr-SYT ngày 20 tháng  
3 năm 2023 về ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình Bình ổn thị trường các  
mặt hàng được phẩm thiết yếu trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm 2023 -  
2024.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Chương trình  
Bình ổn thị trường các mặt hàng được phẩm thiết yếu trên địa bàn Thành phố Hồ Chí

Minh năm 2023 - 2024.

**Điều 2.** Giao Sở Y tế là cơ quan thường trực, chịu trách nhiệm triển khai thực hiện Kế hoạch này, định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2023.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc các Sở: Sở Công Thương, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Y tế, Công an Thành phố, Cục trưởng Cục Quản lý thị trường Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan và doanh nghiệp tham gia Chương trình Bình ổn thị trường các mặt hàng dược phẩm thiết yếu trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm 2023 - 2024 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**CHỦ TỊCH**

**Phan Văn Mãi**

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **KẾ HOẠCH**

### **Thực hiện Chương trình Bình ổn thị trường các mặt hàng dược phẩm thiết yếu trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm 2023 - 2024**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1025/QĐ-UBND  
ngày 24 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

Thuốc là loại hàng hóa đặc biệt có tính kinh tế, kỹ thuật và xã hội cao, cần thiết không thể thiếu trong việc chẩn đoán, dự phòng và điều trị để bảo vệ và chăm sóc sức khỏe người dân. Chất lượng và giá thuốc được sự quan tâm của cả xã hội.

Nhằm tiếp tục đảm bảo chất lượng và giá cả phù hợp, cân đối cung cầu một số mặt hàng thuốc thiết yếu phục vụ nhu cầu chữa bệnh của người dân trên địa bàn thành phố, góp phần vào việc chăm lo an sinh xã hội cho người dân Thành phố ngày càng tốt hơn; Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành “Kế hoạch thực hiện Chương trình Bình ổn thị trường các mặt hàng dược phẩm thiết yếu trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm 2023 - 2024 như sau:

#### **I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU**

- Chương trình Bình ổn thị trường các mặt hàng thuốc thiết yếu trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm 2023 - 2024 (*sau đây gọi là Chương trình*) nhằm chủ động, đảm bảo cung cầu các mặt hàng dược phẩm thiết yếu, ổn định giá cả trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Chương trình gắn với thực hiện Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”, Đề án “Người Việt Nam ưu tiên dùng thuốc Việt Nam” của Bộ Y tế và Chương trình “Thuốc Việt cho người Việt” của Sở Y tế, góp phần thực hiện an sinh xã hội.

- Thuốc trong Chương trình là thuốc sản xuất trong nước tại các nhà máy đạt chuẩn GMP-WHO, đảm bảo chất lượng. Lượng thuốc trong Chương trình có khả năng cân đối cung cầu cho người dân Thành phố, kể cả trong trường hợp có xảy ra biến động giá thuốc, nhu cầu sử dụng thuốc thiết yếu tăng cao.

- Giá bán của các nhóm thuốc trong Chương trình bình ổn thấp hơn giá bán của sản phẩm cùng loại (cùng hoạt chất) trên thị trường ít nhất là 5 - 10%.

- Phát triển, đa dạng hóa hệ thống phân phối, các điểm bán thuốc bình ổn tại các nhà thuốc bệnh viện, nhà thuốc doanh nghiệp, nhà thuốc tư nhân trên địa bàn Thành phố.

- Thuốc trong Chương trình sẽ được phân phối đến người bệnh, đặc biệt người có thu nhập và điều kiện sống thấp, thường dễ mắc bệnh và có nhu cầu dùng thuốc nhiều.

## **II. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN**

### **1. Các nhóm thuốc thiết yếu, số lượng và các mặt hàng thuốc trong Chương trình Bình ổn năm 2023 - 2024:**

Thuốc thiết yếu phục vụ bình ổn thị trường trên địa bàn Thành phố gồm 19 nhóm thuốc sản xuất trong nước trị các bệnh thường gặp ở nhiều người, các bệnh mãn tính, có nhu cầu sử dụng nhiều (bao gồm các thuốc giảm đau - hạ sốt, chống dị ứng, trị tiêu chảy, trị bệnh đau dạ dày, trị ho, thuốc tim mạch, trị tiểu đường, thuốc kháng sinh, kháng viêm, thuốc nhỏ mắt, thuốc trị giun, trị thấp khớp, vitamin - khoáng chất, thuốc dùng ngoài, thuốc cải thiện tuần hoàn não, chống rối loạn tâm thần, thuốc từ dược liệu... ). Danh mục thuốc bình ổn được xây dựng căn cứ vào danh mục thuốc chủ yếu dùng cho cơ sở khám chữa bệnh, danh mục thuốc thiết yếu Việt Nam ban hành lần thứ VI và nhu cầu sử dụng thuốc thiết yếu của người dân thành phố.

Danh mục có hơn 180 mặt hàng, trong đó gồm các mặt hàng thiết yếu thông thường.

Số lượng thuốc bình ổn chiếm 50% nhu cầu của các nhóm thuốc thiết yếu người dân Thành phố sử dụng trong năm.

### **2. Đối tượng tham gia Chương trình:**

- Các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh dược thuộc mọi thành phần kinh tế, được thành lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, có trụ sở tại Thành phố hoặc các

tỉnh/thành khác trong cả nước, công ty tham gia Chương trình có năng lực trong sản xuất, kinh doanh, đáp ứng được số lượng thuốc lớn và đã đạt tiêu chuẩn “Thực hành tốt sản xuất thuốc” - GMP-WHO, “Thực hành tốt phân phối thuốc” - GDP.

- Các nhà thuốc bán lẻ trên địa bàn Thành phố đã đạt tiêu chuẩn “Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc” - GPP.

### **3. Điều kiện, quyền lợi và nghĩa vụ của các đơn vị tham gia Chương trình:**

#### **3.1. Điều kiện tham gia**

- Có chức năng sản xuất - kinh doanh dược phẩm, đạt chuẩn “Thực hành tốt sản xuất thuốc” - GMP-WHO, “Thực hành tốt phân phối thuốc” - GDP; có uy tín và kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất - kinh doanh thuốc; có thuốc cung ứng cho thị trường với số lượng lớn, xuyên suốt.

- Có phương án sản xuất, kinh doanh bình ổn thị trường và tình hình tài chính lành mạnh (thể hiện qua báo cáo tài chính hoặc báo cáo kiểm toán 2 năm gần nhất, không có nợ xấu, nợ quá hạn,...) đủ khả năng để tạo nguồn thuốc phục vụ bình ổn.

- Có hệ thống nhà xưởng, kho bãi, trang thiết bị, công nghệ sản xuất, đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng; có phương tiện vận chuyên đảm bảo đủ khả năng phục vụ cho việc phân phối thuốc theo yêu cầu của Chương trình.

- Có mạng lưới phân phối thuốc rộng khắp trên địa bàn Thành phố. Có kế hoạch phát triển hệ thống phân phối phục vụ người dân trên địa bàn Thành phố trong năm thực hiện Chương trình. Các điểm bán thuốc bình ổn là các nhà thuốc đạt chuẩn “Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc” - GPP.

- Cam kết thuốc tham gia trong Chương trình đúng chủng loại, đủ số lượng và đáp ứng các tiêu chuẩn về chất lượng thuốc.

- Cam kết về giá bán các thuốc bình ổn thấp hơn giá bán của sản phẩm cùng loại (cùng hoạt chất) trên thị trường ít nhất 5 - 10% và được sự chấp thuận của Sở Y tế và Sở Tài chính.

#### **3.2. Quyền lợi và nghĩa vụ**

##### **a) Quyền lợi:**

- Được Ủy ban nhân dân Thành phố hỗ trợ truyền thông, quảng bá đối với các sản phẩm, các doanh nghiệp và điểm bán tham gia trong Chương trình.

##### **b) Nghĩa vụ:**



- Tổ chức sản xuất - kinh doanh theo đúng phương án đã đăng ký, đảm bảo thuốc tham gia Chương trình đạt chất lượng.

- Chấp hành điều động cung ứng thuốc để điều tiết, bình ổn thị trường theo yêu cầu của Sở Y tế khi có xảy ra biến động.

- Chủ động liên kết, hợp tác, xây dựng mới điểm bán lẻ thuốc để phát triển, đa dạng hóa hệ thống phân phối, bán thuốc bình ổn của doanh nghiệp trên địa bàn.

- Treo băng-rôn, bảng giá tham gia Chương trình Bình ổn tại điểm bán; bố trí thuốc bình ổn ở các vị trí thuận tiện, riêng biệt trong khu vực thuốc kê đơn và thuốc không kê đơn; phải đảm bảo đủ số lượng, chủng loại thuốc và bán đúng giá thuốc bình ổn.

- Thực hiện đúng các cam kết và các quy định của Chương trình Bình ổn theo kế hoạch này.

#### **4. Cơ chế thực hiện Chương trình:**

- Thời gian thực hiện bình ổn năm 2023: từ 01/4/2023 đến 31/3/2024.

- Các đơn vị tham gia Chương trình có trách nhiệm tổ chức bán các loại thuốc trong Chương trình Bình ổn theo giá đã đăng ký đối với toàn bộ lượng thuốc của đơn vị cung ứng ra thị trường trong suốt thời gian tham gia Chương trình.

- Giá thuốc tham gia Chương trình bình ổn phải niêm yết công khai và thống nhất ở tất cả các điểm bán thuốc bình ổn giá.

- Giá thuốc tham gia Chương trình bình ổn bán thấp hơn giá bán của sản phẩm cùng loại (cùng hoạt chất) trên thị trường ít nhất từ 5 - 10% và được đăng ký với Sở Y tế, Sở Tài chính.

- Trường hợp thị trường biến động tăng hoặc giảm đối với giá nguyên vật liệu, các chi phí đầu vào làm ảnh hưởng đến cơ cấu giá thành sản xuất, doanh nghiệp thực hiện điều chỉnh giá bán thuốc tham gia Chương trình bình ổn như sau:

+ Trường hợp giá nguyên vật liệu, chi phí đầu vào biến động tăng cao hơn 15% so với thời điểm đơn vị đăng ký giá bán bình ổn, các đơn vị được điều chỉnh tăng giá bán. Khi điều chỉnh tăng giá bán bình ổn, đơn vị thực hiện đăng ký lại giá bán và được Sở Y tế, Sở Tài chính thẩm định, chấp thuận bằng văn bản.

+ Trường hợp thị trường biến động giảm giá từ 5% trở lên, các đơn vị phải đăng ký điều chỉnh giảm giá bán tương ứng. Đơn vị thực hiện bình ổn chủ động điều chỉnh

giảm giá bán khi thị trường giảm và gửi thông báo về Sở Y tế, Sở Tài chính.

- Ủy ban nhân dân Thành phố khuyến khích, mời gọi doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, có năng lực, kinh nghiệm, có nhu cầu tham gia Chương trình bình ổn không nhận vốn, chủ động tạo nguồn hàng, giảm giá, tham gia bình ổn,... góp phần cùng chính quyền Thành phố chăm lo cho sức khỏe của nhân dân trên địa bàn.

### **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **1. Sở Y tế:**

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Công Thương, Sở Kế hoạch và Đầu tư xét chọn các đơn vị tham gia Chương trình, thẩm định giá thuốc đăng ký tham gia Chương trình, kiểm tra việc niêm yết giá và bán theo giá niêm yết của các đơn vị tham gia Chương trình bình ổn, chủ động yêu cầu các đơn vị tham gia Chương trình bình ổn đăng ký điều chỉnh lại giá khi thị trường có biến động lớn.

- Xây dựng danh mục thuốc thiết yếu cần bình ổn giá, xác định tiêu chí lựa chọn và lập danh sách các đơn vị tham gia bình ổn giá thuốc.

- Xác định lượng thuốc giao bình ổn và kiểm tra lượng thuốc bán ra của các đơn vị theo chỉ tiêu kế hoạch đã giao. Phân tích, đánh giá nguyên nhân và đề xuất biện pháp xử lý đối với các trường hợp không cung ứng đủ lượng thuốc bình ổn đã được giao.

- Triển khai thực hiện Chương trình bình ổn thị trường các loại thuốc thiết yếu trong các cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn thành phố.

- Tổng hợp, cung cấp danh sách mạng lưới bán lẻ của các đơn vị tham gia Chương trình bình ổn cho Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện, để công bố rộng rãi cho nhân dân trên địa bàn.

- Phối hợp với các cơ quan thông tin truyền thông cung cấp đầy đủ và kịp thời các thông tin về Chương trình Bình ổn cho các tầng lớp nhân dân trên địa bàn.

- Phối hợp các Sở ngành chức năng, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện kiểm tra, giám sát công tác chuẩn bị nguồn hàng, cung ứng thuốc phục vụ bình ổn thị trường, kiểm tra giá thuốc, đặc biệt giá các loại thuốc tham gia Chương trình bình ổn và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

- Theo dõi, đánh giá và đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố khen thưởng cho các cá nhân, tập thể tham gia Chương trình bình ổn.

- Kịp thời nắm bắt, giải quyết các khó khăn vướng mắc, tổng hợp báo cáo và đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố biện pháp xử lý vi phạm (nếu có).

- Lập tổ công tác để xây dựng và triển khai tổ chức thực hiện Chương trình.

## **2. Sở Công Thương:**

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm phối hợp Sở Y tế thực hiện mục 1, phần III Kế hoạch này.

## **3. Sở Tài chính:**

Phối hợp Sở Y tế, Sở Công Thương, Chi cục Tài chính doanh nghiệp và Sở ngành liên quan thẩm định giá đăng ký bình ổn, kiểm tra việc niêm yết giá và bán theo giá niêm yết của các đơn vị tham gia Chương trình.

## **4. Sở Thông tin và Truyền thông:**

- Phối hợp với Sở Y tế tổ chức thông tin, tuyên truyền về Chương trình bình ổn thị trường đến mọi tầng lớp nhân dân Thành phố.

- Chủ trì, chỉ đạo các cơ quan truyền thông, Báo - Đài, các trang thông tin điện tử, bản tin quận - huyện... để đưa tin, phát sóng về các nội dung liên quan đến Chương trình.

## **5. Công an Thành phố:**

Chủ trì, chỉ đạo các phòng chức năng và công an thành phố Thủ Đức và các quận - huyện áp dụng các biện pháp nghiệp vụ để xác minh, điều tra và xử lý đối với các hành vi tung tin đồn thất thiệt, gây hoang mang trong nhân dân.

## **6. Cục Quản lý thị trường Thành phố:**

- Phối hợp thực hiện kế hoạch kiểm tra, kiểm soát thị trường nhằm phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật như: đầu cơ, găm hàng, kinh doanh hàng cấm, hàng nhập lậu, hàng gian, hàng giả, hàng không hóa đơn, chứng từ, hàng không rõ nguồn gốc, xuất xứ, không nhãn mác,...

- Phối hợp với các sở ngành chức năng kiểm tra, kiểm soát việc thực hiện các quy định của pháp luật về giá.

## **7. Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện:**

- Phối hợp Sở Y tế chỉ đạo các Phòng Y tế triển khai thực hiện Chương trình:

+ Tuyên truyền, hướng dẫn các cơ sở kinh doanh thuộc trên địa bàn tham gia

**Chương trình.**

+ Tổ chức thông tin về các điểm bán thuốc bình ổn của các doanh nghiệp tham gia Chương trình để người dân trên địa bàn biết và mua thuốc khi có nhu cầu.

+ Tổ chức kiểm tra, giám sát công tác bán thuốc bình ổn của các đơn vị.

+ Tăng cường công tác quản lý giá, kiểm tra, kiểm soát việc niêm yết giá bán và bán thuốc theo giá niêm yết trên địa bàn quận - huyện.

+ Thường xuyên theo dõi diễn biến cung cầu, giá cả thị trường; chủ động thông tin, báo cáo về Sở Y tế, Sở Tài chính các trường hợp biến động giá trên địa bàn (nếu có).

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố trong việc chỉ đạo công tác kiểm tra, kiểm soát giá, quản lý giá, bình ổn thị trường trên địa bàn thuộc thẩm quyền, nhất là đối với các mặt hàng dược phẩm thiết yếu trong Chương trình bình ổn.

- Tổng hợp, báo cáo tình hình thị trường, cung cầu, giá cả các thuốc tham gia Chương trình trên địa bàn gửi về Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Y tế và Sở Tài chính theo quy định./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

**PHỤ LỤC**  
**QUY ĐỊNH THÔNG TIN, BÁO CÁO**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1025/QĐ-UBND  
ngày 24 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

**1. Báo cáo tình hình triển khai thực hiện bình ổn:**

- Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện, Cục Quản lý thị trường Thành phố... báo cáo tình hình giá cả thị trường theo địa bàn quản lý.
- Các đơn vị tham gia Chương trình báo cáo tình hình thực hiện bình ổn, kinh doanh các mặt hàng thuốc trong Chương trình.
- Thời gian báo cáo hàng tháng: trước ngày 12 hàng tháng.
- Báo cáo gửi về: Sở Y tế - 59 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1.
- Sở Tài chính - 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3.

**2. Báo cáo tổng hợp:**

- Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện, Cục Quản lý thị trường Thành phố... và các đơn vị tham gia bình ổn tiến hành đánh giá, báo cáo tổng hợp tình hình giá cả thị trường và Chương trình Bình ổn gửi Sở Y tế và Sở Tài chính trước ngày 15 hàng tháng.
- Sở Y tế báo cáo tổng hợp tình hình kinh doanh các thuốc bình ổn của các đơn vị được giao nhiệm vụ gửi Ủy ban nhân dân Thành phố vào các ngày 18 hàng tháng.

**Đường dây nóng của Chương trình**  
**Điện thoại: 39333000. Fax: 39333322**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1029/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 3 năm 2023

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Đề án nâng cao chất lượng xây dựng văn bản quy phạm pháp luật  
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2023 - 2025,  
định hướng đến năm 2030**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 06 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;*

*Căn cứ Nghị định số 33/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Thực hiện Quyết định số 3637/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 -*

2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 6777/TTr-STP-VB ngày 30 tháng 12 năm 2022.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Điều 1. Nội dung ban hành**

Phê duyệt kèm theo Quyết định này Đề án nâng cao chất lượng xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030.

### **Điều 2. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

### **Điều 3. Tổ chức thực hiện**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Nội vụ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức, Thủ trưởng các sở ngành và các đơn vị có liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Ngô Minh Châu**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **ĐỀ ÁN**

### **Nâng cao chất lượng xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1029/QĐ-UBND ngày 24 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

Thành phố Hồ Chí Minh là thành phố trực thuộc Trung ương thuộc loại đô thị đặc biệt của nước ta, hiện có 16 quận, 5 huyện và 01 thành phố thuộc Thành phố với diện tích tự nhiên rộng hơn 2.095 km<sup>2</sup>. Thành phố Hồ Chí Minh được đánh giá là một trong những thành phố năng động, sáng tạo, luôn giữ vai trò trung tâm của nền kinh tế và phát triển nhanh về nhiều lĩnh vực (ứng dụng công nghệ thông tin, văn hóa, giáo dục - đào tạo, y tế, .v.v.) so với các tỉnh, thành phố tại khu vực phía Nam và cả nước. Cùng với sự phát triển kinh tế, Thành phố Hồ Chí Minh cũng luôn chú trọng các giải pháp nhằm nâng cao hiệu lực hiệu quả quản lý nhà nước, cải cách hành chính. Một trong những biện pháp thực hiện mục tiêu này chính là cải cách thể chế, cụ thể là tiếp tục nâng cao, hoàn thiện hành lang pháp lý của địa phương để đảm bảo tính đồng bộ với hệ thống pháp luật chung của cả nước, góp phần quan trọng vào việc nâng cao hiệu quả nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và thể chế hóa đường lối, chính sách, chủ trương của Đảng trong thực tiễn xã hội. Vì vậy, Thành phố Hồ Chí Minh luôn quan tâm, chú trọng hoạt động xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật của các cấp, đặc biệt là của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong thời gian qua, bên cạnh việc triển khai kịp thời những quy định do các cơ quan nhà nước tại Trung ương phân công, phân cấp, Ủy ban nhân dân Thành phố luôn chủ động nghiên cứu, xây dựng và trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật trong thẩm quyền của địa phương nhằm đáp ứng yêu cầu về quản lý xã hội, phục vụ sự phát triển cho Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng và cả nước nói chung. Với mục tiêu tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao chất lượng công tác này, Ủy ban nhân dân Thành



phổ ban hành Đề án “*Nâng cao chất lượng xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030*” nhằm đánh giá toàn diện thực trạng công tác xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật của các cấp địa phương trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 có hiệu lực đến nay, từ đó xây dựng các giải pháp thiết thực nhằm phân định rõ trách nhiệm cụ thể cho các sở ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức trong việc tiếp tục tham mưu có hiệu quả việc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền, phù hợp pháp luật.

## **Phần I**

### **THỰC TRẠNG CÔNG TÁC XÂY DỰNG, BAN HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

#### **I. TÌNH HÌNH XÂY DỰNG, BAN HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**

Từ khi Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 được ban hành và có hiệu lực thi hành, để triển khai có hiệu quả và thống nhất về trình tự, thủ tục thực hiện, Ủy ban nhân dân Thành phố đã ban hành Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 08 tháng 03 năm 2017 quy định về quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 09/2019/QĐ-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2019). Bên cạnh đó, Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Chỉ thị số 03/CT-UBND ngày 04 tháng 3 năm 2019 quy định các yêu cầu tăng cường việc tiếp tục nâng cao chất lượng công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn Thành phố.

Tiếp đó, Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020; Chính phủ ban hành Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Ngoài ra, chính quyền địa phương tại Thành phố Hồ Chí Minh có sự điều chỉnh theo Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh, Nghị quyết số 1111/NQ-

UBTVQH14 ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã và thành lập Thành phố Thủ Đức thuộc Thành phố Hồ Chí Minh. Với những văn bản pháp luật mới, thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương tại Thành phố Hồ Chí Minh có sự thay đổi, điều chỉnh. Nhằm kịp thời điều chỉnh cho phù hợp pháp luật hiện hành, Ủy ban nhân dân Thành phố đã ban hành Quyết định số 11/2022/QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2022 thay thế Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 08 tháng 03 năm 2017 và Quyết định số 09/2019/QĐ-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2019, trong đó quy định cụ thể về quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của các cấp, đảm bảo phù hợp với mô hình chính quyền địa phương tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo số liệu thống kê giai đoạn từ ngày 01 tháng 7 năm 2016 (thời điểm Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 có hiệu lực) đến ngày 30 tháng 8 năm 2022, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp đã ban hành tổng cộng **828** văn bản, cụ thể:

Năm	HĐND Thành phố (Nghị quyết)	UBND Thành phố (Quyết định)	HĐND cấp huyện (Nghị quyết)	UBND cấp huyện (Quyết định)
Tháng 7/2016	10	41	04	09
2017	28	67	0	95
2018	29	48	0	97
2019	18	40	01	55
2020	14	63	01	60
2021	31	27	0	19
Từ tháng 01/2022 đến 20/12/2022	24	40	0	07

Nhìn chung, đa số văn bản quy phạm pháp luật do các cấp có thẩm quyền tại Thành phố ban hành đều tuân thủ trình tự, thủ tục ban hành theo quy định pháp luật, đảm bảo về thẩm quyền, hình thức, nội dung, thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản. Thông qua hoạt động ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã góp phần quan trọng trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành thực thi nhiệm vụ được giao trên tất cả

các lĩnh vực quản lý nhà nước tại Thành phố tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho sự phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh trên địa bàn Thành phố.

## **II. TÌNH HÌNH VỀ CÔNG TÁC KIỂM TRA, RÀ SOÁT, XỬ LÝ VÀ HỆ THỐNG HÓA VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Ủy ban nhân dân Thành phố đã ban hành Quyết định số 02/2017/QĐ-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2017 quy định Quy chế về kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật và tổ chức, quản lý công tác viên kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo đó, hàng năm, Ủy ban nhân dân Thành phố đều ban hành Kế hoạch về công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật và xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật trên địa bàn Thành phố; trong đó, chú trọng các nội dung trọng tâm như: tập trung rà soát để kiến nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế, ban hành mới các văn bản để thi hành các luật, bộ luật mới được Quốc hội thông qua tại các kỳ họp; chủ động rà soát các văn bản quy phạm pháp luật của Thành phố liên quan đến các văn bản hết hiệu lực do các Bộ, ngành Trung ương công bố hàng năm; đồng thời xác định rõ trách nhiệm của Sở Tư pháp, các sở ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố Thủ Đức trong công tác kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật.

Trên cơ sở này, các cơ quan, đơn vị đều chủ động ban hành Kế hoạch công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật tại địa phương, đơn vị mình để tổ chức thực hiện, cũng như tiến hành rà soát, tham mưu xử lý văn bản theo đúng quy định, trình tự của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Nghị định số 34/2016/QĐ-UBND của Chính phủ và Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố, đảm bảo có lộ trình, tiến độ thích hợp.

Bên cạnh việc kiểm tra, xử lý văn bản theo thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ, Sở Tư pháp đã cùng các sở ngành nghiên cứu, tổng kết, nghiêm túc đánh giá thực tiễn tham mưu Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành văn bản quy phạm pháp luật trong thời gian qua để nhìn nhận các vấn đề, các mặt còn tồn tại, hạn chế, yếu kém trong công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Đồng thời, qua công tác kiểm tra theo thẩm quyền, Sở Tư pháp cũng đánh giá được thực

trạng ban hành văn bản của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Hội đồng nhân dân huyện, Ủy ban nhân dân quận, huyện, nhìn nhận những hạn chế, sai sót phổ biến trong công tác xây dựng, ban hành văn bản của cấp huyện. Từ đó, Sở Tư pháp cùng các cơ quan, đơn vị liên quan đề ra các giải pháp khắc phục, tham mưu cho Ủy ban nhân dân Thành phố có những chỉ đạo xử lý, chấn chỉnh và hoàn thiện về mặt thể chế làm cơ sở đẩy mạnh nhận thức và nâng cao chất lượng công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật địa phương.

Ngoài ra, thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành, hàng năm Sở Tư pháp đều tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành các Quyết định về việc công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Thành phố. Công tác này được Sở Tư pháp tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện theo đúng quy trình và thời gian quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020) và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP)<sup>1</sup>.

Sau khi Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban

---

<sup>1</sup> - *Quyết định số 318/QĐ-UBND ngày 31/01/2020 về việc công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần năm 2019, trong đó bao gồm 46 văn bản hết hiệu lực toàn bộ và 08 văn bản hết hiệu lực một phần.*

- *Quyết định số 305/QĐ-UBND ngày 25/01/2021 về việc công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần năm 2020, trong đó bao gồm 40 văn bản hết hiệu lực toàn bộ năm 2020, 07 văn bản hết hiệu lực một phần, 05 văn bản hết hiệu lực toàn bộ trước ngày 01/01/2020 và 01 văn bản hết hiệu lực một phần trước ngày 01/01/2020.*

- *Quyết định số 405/QĐ-UBND ngày 08/02/2022 về việc công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần năm 2021, trong đó bao gồm 67 văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực toàn bộ năm 2021, 12 văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực một phần năm 2021 và 08 văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực toàn bộ trước ngày 01/01/2021, .v.v.*

hành văn bản quy phạm pháp luật và Chính phủ ban hành Nghị định số 154/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, đồng thời tại Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng dụng mô hình chính quyền đô thị theo Nghị quyết số 131/2020/QH14, Ủy ban nhân dân Thành phố đã kịp thời ban hành Quyết định số 10/2022/QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2022 nhằm cập nhật các quy định pháp luật hiện hành về kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật, xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật và tổ chức, quản lý công tác viên kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (thay thế Quyết định số 02/2017/QĐ-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2017).

Khẳng định rằng, công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản trên địa bàn Thành phố có chất lượng, kịp thời phát hiện quy định trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội để kiến nghị đình chỉ thi hành, bãi bỏ, thay thế, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành văn bản mới, góp phần trong công tác thể chế bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.

### **III. TÌNH HÌNH VỀ ĐỘI NGŨ NHÂN SỰ LÀM CÔNG TÁC XÂY DỰNG, BAN HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**

Thành phố Hồ Chí Minh là địa phương dẫn đầu cả nước về quy mô dân số và mức độ đô thị hóa, có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao và hoạt động kinh tế năng động nhất, thu hút nhiều vốn đầu tư của các tổ chức, tập đoàn kinh tế trong và ngoài nước, được Trung ương chọn thí điểm nhiều mô hình quản lý mới trước khi áp dụng, triển khai rộng rãi trên cả nước. Song song đó, Thành phố Hồ Chí Minh phải đối mặt, giải quyết nhiều vấn đề của một đô thị đông dân, như việc đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng chưa đáp ứng, chưa theo kịp với sự gia tăng dân số cơ học, hiểu biết và ý thức chấp hành pháp luật của một bộ phận người dân chưa cao nên tình trạng vi phạm pháp luật như vi phạm pháp luật lao động, giao thông, xây dựng, phạm pháp hình sự, .v.v. còn xảy ra nhiều.

Trong bối cảnh tình hình kinh tế, xã hội của Thành phố vừa có nhiều thuận lợi, vừa có những khó khăn, thách thức đòi hỏi đội ngũ nhân sự của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố và Ủy ban nhân dân các cấp phải luôn năng động, sáng tạo, am hiểu pháp luật, chặt chẽ về mặt pháp lý trong việc tham mưu công

tác xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển liên tục của Thành phố.

Chính vì vậy, trong thời gian qua, Ủy ban nhân dân Thành phố luôn quan tâm và chỉ đạo thường xuyên việc kiện toàn tổ chức bộ máy pháp chế của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định tại Nghị định 55/2011/NĐ-CP ngày 04 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ và nâng cao năng lực, hiệu quả của đội ngũ nhân sự làm công tác pháp chế tại các quận - huyện, thành phố Thủ Đức, bởi đây là đội ngũ nhân sự chủ yếu thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến công tác xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Về số lượng tổ chức pháp chế cụ thể, khoản 1 Điều 9 Nghị định số 55/2011/NĐ-CP quy định 14 Sở phải thành lập Phòng Pháp chế. Với sự quyết tâm và chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố đã có 11 Sở thành lập Phòng Pháp chế. Ngoài ra, có một số cơ quan không thuộc cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân Thành phố cũng có Phòng Pháp chế như Công an Thành phố, Cục thuế Thành phố. Đến thời điểm triển khai Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, một số Thông tư liên tịch giữa các Bộ ngành với Bộ Nội vụ hướng dẫn về cơ cấu tổ chức bộ máy của các sở ngành có nội dung không phù hợp với Nghị định 55/2011/NĐ-CP (hiện nay, các Thông tư liên tịch này đã được sửa đổi, không còn quy định về tổ chức bộ máy của các sở ngành). Một số sở ngành đã sáp nhập Phòng Pháp chế vào các phòng chuyên môn khác hoặc giải thể. Hiện nay, Thành phố chỉ còn 04 Sở có Phòng Pháp chế gồm Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Quy hoạch kiến trúc và Sở Giao thông vận tải.

Về vai trò của tổ chức pháp chế, Thành phố Hồ Chí Minh đánh giá đây là bộ phận đầu mối trong việc phối hợp với các phòng ban chuyên môn tham mưu thủ trưởng đơn vị thực hiện công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Phần lớn các văn bản đều giao cho từng phòng ban chuyên môn chủ trì soạn thảo, tổ chức pháp chế sẽ thẩm định, có ý kiến về mặt trình tự thủ tục, tính hợp pháp, hợp hiến, .v.v, đồng thời theo dõi tiến độ thực hiện, đảm bảo thời hạn, đúng trình tự, thủ tục theo quy trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật và chất lượng dự thảo văn bản.

Bên cạnh đó, tổ chức pháp chế còn tham gia góp ý các dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật do các sở ngành khác chủ trì soạn thảo và tổ chức lấy ý kiến đối với các dự thảo theo sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố và Bộ quản lý ngành, lĩnh vực, trong đó có những văn bản quan trọng, có tầm ảnh hưởng lớn như Hiến pháp, Bộ luật Dân sự, Bộ luật Lao động, Luật Doanh nghiệp, .v.v. Nhiều ý kiến đóng góp có chất lượng và thiết thực, mang lại hiệu quả và được tiếp thu vào các văn bản quy phạm pháp luật.

Về công tác kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật, trên cơ sở kế hoạch kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân Thành phố, các sở ngành ban hành kế hoạch triển khai phù hợp, trong đó quy định cụ thể trách nhiệm của các tổ chức pháp chế trong việc thực hiện thường xuyên và định kỳ rà soát, hệ thống hóa, kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực chuyên môn theo chỉ đạo của Bộ ngành Trung ương, Ủy ban nhân dân Thành phố và hướng dẫn của Sở Tư pháp; thu thập, tập hợp, phân loại văn bản thuộc đối tượng rà soát, xác định hiệu lực văn bản, rà soát đối chiếu văn bản thuộc từng lĩnh vực chuyên môn góp phần vào việc xây dựng cơ sở dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật của Thành phố, tạo thuận lợi trong việc tra cứu, tìm hiểu pháp luật của tổ chức và công dân hoặc kiến nghị bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung, thay thế đối với các văn bản không còn phù hợp.

Riêng Sở Tư pháp, ngoài chức năng là cơ quan tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố quản lý nhà nước về công tác xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật, hiện nay khối lượng công việc về tư vấn pháp lý cho Ủy ban nhân dân Thành phố và theo đề nghị của các sở ngành cũng ngày càng gia tăng về số lượng và phức tạp về nội dung; do đó, với số lượng biên chế hiện tại của Sở Tư pháp đòi hỏi mỗi nhân sự thực hiện nhiệm vụ tham mưu về xây dựng, thẩm định văn bản quy phạm pháp luật phải thực sự nỗ lực hết mình để đáp ứng với yêu cầu của công việc.

Tại Thành phố Hồ Chí Minh đã quan tâm triển khai mô hình cộng tác viên kiểm tra, rà soát, hệ thống văn bản theo quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP. Tính đến nay, đối với cấp Thành phố, Sở Tư pháp đã ban hành Quyết định số 38/QĐ-STP-KTrVB ngày 16 tháng 01 năm 2019 công nhận 28 cộng tác viên kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật cấp Thành phố.

Đối với cấp huyện, tại Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố Thủ Đức có bố trí nhân sự làm công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo

biên chế của Phòng Tư pháp. Tuy nhiên, nhân sự thực hiện chủ yếu là kiêm nhiệm, không phải là chuyên trách. Đối với công tác viên kiểm tra, rà soát, hệ thống văn bản thì Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố Thủ Đức là cơ quan có thẩm quyền sử dụng, công nhận, quản lý công tác viên kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn.

#### **IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

Từ khi Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP có hiệu lực thi hành đã xác định rõ thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật của các cấp chính quyền địa phương. Cùng với sự quan tâm hướng dẫn, hỗ trợ của Bộ Tư pháp, chỉ đạo sâu sát của lãnh đạo Thành phố, chất lượng công tác soạn thảo, ban hành văn bản quy phạm pháp luật tại Thành phố Hồ Chí Minh được nâng cao. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật thường xuyên được kiểm tra, rà soát, đánh giá, xác định hiệu lực, những văn bản không còn phù hợp được bãi bỏ hoặc thay thế, những văn bản có sai sót được sửa đổi, bổ sung. Công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất của hệ thống pháp luật.

Các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật được xây dựng đảm bảo đúng trình tự, thủ tục, kỹ thuật soạn thảo theo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành, chú trọng việc lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan để tăng tính khả thi khi triển khai thực hiện, đảm bảo quy trình thẩm định của Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp trước khi trình cơ quan có thẩm quyền ban hành.

Trong quá trình xây dựng văn bản, các cơ quan, đơn vị luôn chú trọng xác định rõ thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân để đảm bảo việc ban hành đúng thẩm quyền được giao theo quy định pháp luật. Riêng đối với việc quy định chính sách hoặc thủ tục hành chính, các cơ quan, đơn vị được phân công chủ trì soạn thảo đều thực hiện đầy đủ các bước đánh giá tác động chính sách, tác động thủ tục hành chính nhằm đánh giá sự cần thiết, tính hợp lý, khả thi của chính sách, chi phí tuân thủ các thủ tục hành chính trong dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn Thành phố vẫn còn một số tồn tại, hạn chế nhất định, đó là:



- Một số văn bản có nội dung mang tính dự báo và tiên liệu thấp, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh chóng của thực tiễn tại Thành phố (có những văn bản mới ban hành đã phải sửa đổi, bổ sung, gây khó khăn trong việc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật, ảnh hưởng đến tính ổn định của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật).

- Một số văn bản còn sai về thể thức, kỹ thuật trình bày (ngôn ngữ sử dụng trong văn bản đôi khi chưa chính xác và chuẩn với quy định của pháp luật hiện hành; văn bản chứa quy phạm pháp luật nhưng lại được ban hành bằng hình thức văn bản hành chính và ngược lại văn bản không chứa quy phạm pháp luật nhưng lại được ban hành bằng hình thức văn bản quy phạm pháp luật; tình trạng sao chép lại các quy định đã được nêu tại các văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên vẫn còn tồn tại).

- Việc ban hành văn bản để quy định chi tiết những nội dung được cấp Trung ương giao đôi khi còn chậm (một số trường hợp là văn bản của Trung ương ban hành đã có hiệu lực thi hành đến một năm, thậm chí là hơn một năm sau thì Thành phố mới ban hành văn bản quy định chi tiết).

- Việc lấy ý kiến đối với hồ sơ dự thảo văn bản quy phạm pháp luật đôi khi còn mang tính hình thức, đại trà, chưa tập trung vào các đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của dự thảo văn bản; các đơn vị được lấy ý kiến chưa có sự đầu tư, nghiên cứu khi góp ý dự thảo văn bản.

- Còn tình trạng một số cơ quan, đơn vị khi gửi hồ sơ đến Sở Tư pháp thẩm định chưa đảm bảo đủ thành phần theo quy định; không đảm bảo về thời gian, làm ảnh hưởng đến chất lượng, kết quả thẩm định.

Những tồn tại nêu trên là do vẫn còn có một số đơn vị chưa thật sự quan tâm đến công tác pháp chế, bố trí nhân sự kiêm nhiệm công tác pháp chế nên năng lực và kinh nghiệm còn có một số hạn chế nhất định, chưa đáp ứng được yêu cầu trong quá trình tham mưu lãnh đạo. Chẳng hạn, tại Thành phố Hồ Chí Minh luôn chú trọng về thực hiện các chính sách an sinh xã hội nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế nên cần có nhiều văn bản quy phạm pháp luật quy định các chế độ chính sách đặc thù cho Thành phố; do vậy, các cơ quan, đơn vị luôn chú trọng công tác đánh giá tác động chính sách và thủ tục hành chính trong quá trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố. Tuy nhiên, các nội dung chính sách dự kiến trình Hội đồng nhân dân Thành phố ban

hành do các cơ quan được giao chủ trì soạn thảo thực hiện đánh giá thường có phạm vi rộng, thuộc nhiều lĩnh vực nên khi thực hiện đánh giá theo các tiêu chí nhiều lúc còn gặp khó khăn, lúng túng cho đội ngũ nhân sự. Cùng với đó, công tác pháp chế liên tục được giao thêm nhiều nhiệm vụ mới ngoài mảng xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật như bồi thường nhà nước, theo dõi tình hình thi hành pháp luật, .v.v., trong khi phần lớn đội ngũ nhân sự pháp chế chưa có quá trình tích lũy kinh nghiệm nên còn lúng túng trong triển khai các nhiệm vụ công tác pháp chế.

Với yêu cầu cao đối với người làm công tác pháp chế là phải có trình độ chuyên môn Luật và chuyên ngành nhưng không có chế độ đãi ngộ riêng tương xứng (nhất là chế độ theo quy định) nên khó thu hút nhân sự thực hiện. Kinh phí cho công tác xây dựng, thẩm định, ban hành văn bản quy phạm pháp luật còn hạn chế, chưa đáp ứng được cho công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật, đặc biệt là đối với các dự thảo phức tạp, phạm vi rộng, thuộc nhiều lĩnh vực. Từ đó, một số đơn vị chưa mạnh dạn bố trí nhân sự, phân công giao việc cho tổ chức pháp chế theo quy định, đồng thời cán bộ làm công tác pháp chế chưa phát huy năng lực và chứng minh sự cần thiết của công tác pháp chế đối với hoạt động của đơn vị.

## **Phần II**

### **NỘI DUNG ĐỀ ÁN**

#### **I. SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ XÂY DỰNG, BAN HÀNH**

Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020) và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP) đã quy định cụ thể trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp trong việc bảo đảm nguồn nhân lực, cơ sở vật chất và kinh phí cho công tác xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật tại địa phương. Trong đó, nội dung tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật tập trung vào những vấn đề cụ thể như: xây dựng kế hoạch tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật; tổ chức thực hiện chính sách, biện pháp trong văn bản quy phạm pháp luật; ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành văn bản quy phạm pháp luật; tập huấn công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; bảo đảm cơ sở vật chất, kinh phí, tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực để triển khai thi hành văn bản quy phạm pháp luật.

Theo đó, tại khoản 5 Điều 184 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP) quy định:

*“Điều 184. Trách nhiệm của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân trong việc bảo đảm các điều kiện cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật*

*... 5. Hướng dẫn việc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật, hoàn thiện hệ thống pháp luật trong phạm vi bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương”.*

Với trách nhiệm nêu trên, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 3637/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2021 về ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2030; trong đó có nội dung giao Sở Tư pháp tham mưu, xây dựng Đề án nâng cao chất lượng xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030.

Với những kết quả đã đạt được và các tồn tại, hạn chế được trình bày tại Phần I Đề án, trên cơ sở tham mưu, báo cáo của Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân Thành phố đánh giá cao về sự quan trọng và cần thiết tiếp tục đẩy mạnh hiệu lực, hiệu quả của công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật tại Thành phố Hồ Chí Minh trong thời gian tới. Chính vì vậy, Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành **“Đề án nâng cao chất lượng xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030”** với các giải pháp, nhiệm vụ cụ thể nhằm tiếp tục tăng cường, đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với công tác này.

## **II. MỤC TIÊU GIAI ĐOẠN 2023 - 2025**

### **1. Mục tiêu tổng quát**

Xây dựng và hoàn thiện thể chế về công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Thành phố đảm bảo đồng bộ, thống nhất, khả thi, công khai, minh bạch, trọng tâm là phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; nâng cao chất lượng công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố, gắn với trách nhiệm của từng đơn vị trong soạn thảo, góp ý, thẩm định, ban hành văn bản và chất lượng đội ngũ làm công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

Đề cao trách nhiệm của người đứng đầu, tăng cường hiệu quả công tác kiểm soát thủ tục hành chính trong công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

## **2. Mục tiêu cụ thể**

Đến hết năm 2025, công tác ban hành văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn Thành phố phấn đấu đạt và duy trì các mục tiêu sau đây:

- Hoàn thiện thể chế về công tác xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Thành phố;

- Phấn đấu đạt tỷ lệ 90% các văn bản quy phạm pháp luật do Thành phố ban hành đảm bảo trình tự, thủ tục phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế của Thành phố;

- Phấn đấu đạt tỷ lệ 90% đội ngũ cán bộ, công chức được giao nhiệm vụ tham mưu xây dựng, kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ;

- Phấn đấu thực hiện đạt 90% văn bản quy phạm pháp luật còn hiệu lực thi hành được cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật;

- Hoàn thành việc biên soạn, phát hành tài liệu về nghiệp vụ xây dựng, kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật (ưu tiên hình thức tài liệu điện tử);

- Đảm bảo cơ sở vật chất, cơ chế chính sách đối với người làm công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, thực thi trong thực tế các chế độ chi cho công tác này đã được quy định.

## **III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN TRONG GIAI ĐOẠN 2023 - 2025**

### **1. Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện thể chế liên quan đến công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật**

Thủ trưởng các sở ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố Thủ Đức thường xuyên tổ chức kiểm tra, rà soát các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành theo chức năng, lĩnh vực phụ trách; đề xuất sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật bảo đảm thi hành hiệu quả Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Giao Sở Tư pháp chủ trì: (i) thực hiện việc rà soát, cập nhật Cơ sở dữ liệu pháp

luật của Thành phố vào Cơ sở dữ liệu pháp luật quốc gia; kịp thời kiểm tra, rà soát, thu thập, cập nhật hệ thống văn bản quy phạm pháp luật Thành phố trên hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật đảm bảo phục vụ tra cứu, áp dụng, thi hành; (ii) biên soạn, in ấn, phát hành tài liệu về nghiệp vụ xây dựng, kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật khi cần có nội dung cần hướng dẫn nghiệp vụ nhằm giới thiệu đến các sở ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố Thủ Đức nghiên cứu, tham khảo, sử dụng khi thực hiện công tác.

## **2. Tăng cường trách nhiệm khi chủ trì soạn thảo, trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật**

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị được giao chủ trì soạn thảo, trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật chịu trách nhiệm sau:

*a) Đối với việc tham mưu xây dựng, soạn thảo và trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố*

Đảm bảo tham mưu xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật phù hợp thẩm quyền về nội dung và hình thức, tuân thủ đúng trình tự, thủ tục ban hành theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020), Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP), Quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành, trong đó lưu ý tuân thủ thực hiện nghiêm, đầy đủ quy trình 02 bước gồm: (1) Lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, (2) Xây dựng dự thảo văn bản quy phạm pháp luật và trình ban hành.

Văn bản quy phạm pháp luật phải thực hiện đúng thể thức, kỹ thuật trình bày theo các mẫu được quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP, không để sai sót đối với các lỗi về hình thức văn bản.

Đối với dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố có quy định chính sách, phải thực hiện đầy đủ quy trình xây dựng chính sách, nghiêm túc công tác đánh giá tác động chính sách theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020), Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP) và Quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành để có cơ sở tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố đề xuất chính sách, giải pháp trình Hội đồng nhân dân

Thành phố xem xét.

Đối với dự thảo có quy định thủ tục hành chính hoặc có dấu hiệu quy định thủ tục hành chính, phải thực hiện đánh giá tác động về thủ tục hành chính trước khi gửi lấy ý kiến về nội dung thủ tục hành chính của cơ quan kiểm soát thủ tục hành chính (Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính - Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố). Trường hợp dự thảo có nội dung chính sách về giới, cơ quan lập đề nghị xây dựng nghị quyết có trách nhiệm lấy ý kiến của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội. Cơ quan chủ trì soạn thảo tổng hợp, giải trình việc tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, trong đó có ý kiến góp ý của cơ quan kiểm soát thủ tục hành chính và hoàn chỉnh dự thảo trước khi gửi Sở Tư pháp thẩm định.

Cơ quan, đơn vị chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố về tiến độ soạn thảo, chất lượng dự thảo văn bản quy phạm pháp luật được phân công soạn thảo. Người đứng đầu cơ quan chủ trì soạn thảo chịu trách nhiệm trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn về việc không hoàn thành nhiệm vụ và tùy theo mức độ mà bị xử lý theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và quy định khác của pháp luật có liên quan trong trường hợp dự thảo văn bản không bảo đảm về chất lượng, chậm tiến độ, không bảo đảm tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của văn bản quy phạm pháp luật được phân công thực hiện.

*b) Đối với việc tham mưu xây dựng, soạn thảo và trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân thành phố Thủ Đức, Hội đồng nhân dân huyện, Hội đồng nhân dân xã, thị trấn và Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Ủy ban nhân dân quận, huyện, Ủy ban nhân dân xã, thị trấn (sau đây gọi tắt là Hội đồng nhân dân các cấp, Ủy ban nhân dân các cấp)*

Cơ quan, đơn vị chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân các cấp, Ủy ban nhân dân các cấp đảm bảo tham mưu xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo phù hợp thẩm quyền, nội dung và hình thức theo quy định, tuân thủ đúng trình tự, thủ tục ban hành theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020), Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP) và Quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành; thực hiện đúng thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật

theo các mẫu được quy định tại các Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP; không để sai sót đối với các lỗi về hình thức văn bản.

Cơ quan, đơn vị chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân các cấp, Ủy ban nhân dân các cấp chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân cùng cấp về tiến độ soạn thảo, chất lượng dự thảo văn bản quy phạm pháp luật được phân công soạn thảo. Người đứng đầu cơ quan chủ trì soạn thảo chịu trách nhiệm trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn về việc không hoàn thành nhiệm vụ và tùy theo mức độ mà bị xử lý theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và quy định khác của pháp luật có liên quan trong trường hợp dự thảo văn bản quy phạm pháp luật không bảo đảm về chất lượng, chậm tiến độ, không bảo đảm tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của văn bản quy phạm pháp luật được phân công thực hiện.

### **3. Tăng cường phối hợp tổ chức lấy ý kiến đối với đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật**

Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm tổ chức lấy ý kiến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố cùng cấp, các cơ quan, đơn vị có liên quan, các chuyên gia, nhà khoa học và đối tượng chịu tác động trực tiếp của dự thảo văn bản quy phạm pháp luật trong quá trình lập đề nghị, xây dựng, soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật theo quy định (trong đó lưu ý, cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm trả lời bằng văn bản đối với ý kiến phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố trong trường hợp Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố thực hiện phản biện xã hội). Cơ quan chủ trì soạn thảo báo cáo rõ số lần tổ chức lấy ý kiến đối với đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật và những trường hợp không có ý kiến; giải trình cụ thể đối với việc tiếp thu ý kiến góp ý tại Tờ trình dự thảo văn bản quy phạm pháp luật và Bảng tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến kèm theo hồ sơ dự thảo.

Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm rà soát quy định pháp luật để tổ chức lấy ý kiến Bộ ngành có liên quan đối với các đề nghị xây dựng nghị quyết Hội đồng nhân dân Thành phố về chính sách đặc thù trong trường hợp pháp luật có quy định hoặc trong trường hợp cần thiết để có cơ sở xác định thẩm quyền và cơ sở pháp lý xây dựng chính sách.

### **4. Nâng cao vai trò của cơ quan thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật**

Văn bản thẩm định đảm bảo đầy đủ, cụ thể các nội dung theo đúng quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020), Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP) và Quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành.

Cơ quan thẩm định phải có chính kiến về việc dự thảo văn bản quy phạm pháp luật đủ hay chưa đủ điều kiện trình xem xét, ban hành, không thực hiện thẩm định đối với các đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có chứa chính sách, thủ tục hành chính nhưng chưa thực hiện đánh giá tác động chính sách, thủ tục hành chính theo quy định.

Cơ quan thẩm định chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân cùng cấp về kết quả thẩm định đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật. Người đứng đầu cơ quan thẩm định chịu trách nhiệm trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn về việc không hoàn thành nhiệm vụ và tùy theo mức độ mà bị xử lý theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và quy định khác của pháp luật có liên quan trong trường hợp việc thẩm định đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật không đảm bảo các nội dung yêu cầu theo luật định.

## **5. Nâng cao chất lượng đội ngũ làm công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật**

### *a) Kiện toàn bộ máy, đội ngũ làm công tác pháp chế:*

Thủ trưởng các sở ngành căn cứ vào quy định pháp luật hiện hành và thực tiễn tại đơn vị để xây dựng phương án kiện toàn tổ chức pháp chế cho phù hợp, trường hợp không thể thành lập Phòng Pháp chế thì phải có phòng chuyên môn tham mưu chức năng, nhiệm vụ công tác pháp chế theo Thông tư số 01/2015/TT-BTP ngày 15 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn về nghiệp vụ thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các tổ chức pháp chế. Đồng thời, thực hiện thủ tục đổi tên đề tên phòng ban có cụm từ “Pháp chế”, như: Phòng Tổ chức - Pháp chế, Thanh tra - Pháp chế, Văn phòng - Pháp chế (trương tự Sở Giao thông vận tải, Sở Văn hóa Thể thao, .v.v.) nhằm xác định vai trò, vị trí của pháp chế trong tổ chức bộ máy đơn vị. Trên cơ sở này, các sở ngành rà soát, sửa đổi, bổ sung các Quy chế có liên quan cho phù hợp, phối hợp Sở Nội vụ tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố sửa đổi, bổ sung quy chế tổ chức và hoạt động; sửa đổi, bổ sung các quy chế trong nội bộ,



trong đó cụ thể hóa chức năng, nhiệm vụ pháp chế vào chức năng, nhiệm vụ của phòng chuyên môn nhận sáp nhập, xây dựng quy chế phối hợp giữa các phòng chuyên môn trong triển khai các nhiệm vụ pháp chế theo quy định pháp luật hiện hành<sup>2</sup>. Trường hợp tên phòng chuyên môn không phù hợp tên được pháp luật Trung ương quy định (do một số Thông tư có quy định cụ thể tên phòng chuyên môn), giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp Sở Tư pháp tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố có văn bản báo cáo, trình chủ trương Bộ Nội vụ xem xét, quyết định.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố Thủ Đức tiếp tục quan tâm, bố trí nhân sự làm công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo biên chế của Phòng Tư pháp, đảm bảo nguồn lực, điều kiện thực hiện chức năng, nhiệm vụ về công tác này theo quy định pháp luật và thực tiễn tại địa phương.

*b) Kiện toàn đội ngũ công tác viên kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản trên địa bàn Thành phố*

Thủ trưởng các sở ngành rà soát, củng cố, kiện toàn đội ngũ công tác viên kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản để phục vụ cho công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn Thành phố theo quy định tại Quyết định số 10/2022/QĐ-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2022 về Quy chế về kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật, xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật và tổ chức, quản lý công tác viên kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố Thủ Đức tiếp tục quan tâm công nhận, quản lý công tác viên kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn theo quy định pháp luật hiện hành.

*c) Thường xuyên tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ và các quy định pháp luật cho đội ngũ cán bộ, công chức, công tác viên phụ trách công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn Thành phố*

Thủ trưởng các sở ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố Thủ Đức chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch hoặc phối hợp tổ chức bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng - nghiệp vụ liên quan đến công tác xây dựng văn bản quy

---

<sup>2</sup> Đây là giải pháp để tạo điều kiện cho công chức pháp chế phát huy khả năng chuyên môn, khắc phục tình trạng nhiệm vụ pháp chế giao cho phòng chuyên môn, đồng thời công chức pháp chế thực hiện các nhiệm vụ kiêm nhiệm khác nên không có điều kiện và cơ hội trau dồi về chuyên môn.

phạm pháp luật cho cán bộ, công chức tại cơ quan, đơn vị và tại địa phương phù hợp với yêu cầu công tác. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm tổ chức tập huấn về xây dựng văn bản quy phạm pháp luật cho cán bộ, công chức cấp xã theo hình thức phù hợp (như: hội nghị phổ biến, quán triệt, cập nhật các quy định pháp luật, tập huấn kỹ năng xây dựng, soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật, .v.v.). Sở Tư pháp phối hợp, hỗ trợ các cơ quan, đơn vị theo chức năng; giới thiệu báo cáo viên có kinh nghiệm thực tiễn trong lĩnh vực xây dựng, kiểm tra và rà soát văn bản quy phạm pháp luật để hỗ trợ cho các cơ quan, đơn vị tập huấn.

Giao Sở Tư pháp tổ chức “*Lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ pháp chế và cán bộ, công chức trực tiếp tham gia công tác xây dựng, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, kiểm soát thủ tục hành chính*” trên địa bàn Thành phố (chậm nhất trong Quý IV năm 2023) và trong năm 2025 tham mưu tổ chức Hội nghị chuyên đề về Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật nhằm đánh giá, trao đổi, rút kinh nghiệm thực tiễn công tác xây dựng, thẩm định, kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2015 - 2025, từ đó xây dựng báo cáo tổng kết thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật để kiến nghị sửa đổi, bổ sung các quy định chưa phù hợp (nếu có).

#### **6. Đảm bảo cơ sở vật chất, kinh phí cho công tác xây dựng, thẩm định, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật**

Thủ trưởng các sở ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố Thủ Đức chủ động nghiên cứu, triển khai thực hiện Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư 42/2022/TT-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Bộ Tài chính); Thông tư số 09/2023/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2023 quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật và Nghị quyết số 19/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố nhằm đảm bảo cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ công tác xây dựng, thẩm định, kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật các cấp.

#### **IV. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030**

## **1. Mục tiêu của giai đoạn năm 2025 - 2030**

Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của Thành phố trong những năm tiếp theo đảm bảo đồng bộ, thống nhất, khả thi, công khai, minh bạch đảm bảo phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đến hết năm 2030, công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn Thành phố phấn đấu đạt và duy trì các mục tiêu sau đây:

- Phấn đấu đạt tỷ lệ trên 95% các văn bản quy phạm pháp luật do Thành phố ban hành đảm bảo trình tự, thủ tục phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế của Thành phố;

- Phấn đấu đạt tỷ lệ trên 95% đội ngũ cán bộ, công chức được giao nhiệm vụ tham mưu xây dựng, kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ;

- Phấn đấu thực hiện đạt tỷ lệ trên 95% văn bản quy phạm pháp luật còn hiệu lực thi hành được cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.

## **2. Nhiệm vụ và giải pháp thực hiện giai đoạn năm 2025 - 2030**

Để tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả Đề án trong giai đoạn này, các nội dung, giải pháp và tiến độ thực hiện có thể được tiến hành song song, lồng ghép hoặc xen kẽ, hỗ trợ nhau trong suốt thời gian thực hiện Đề án thông qua các hoạt động sau:

- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện thể chế liên quan đến công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật;

- Tăng cường trách nhiệm khi chủ trì soạn thảo, trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật; nghiên cứu các giải pháp xử lý trách nhiệm của người đứng đầu trong việc không đảm bảo tiến độ, trình tự xây dựng tham mưu ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

- Tăng cường phối hợp tổ chức lấy ý kiến đối với đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật và nâng cao vai trò của cơ quan thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật;

- Xây dựng các giải pháp hiệu quả hơn nữa trong việc bồi dưỡng nghiệp vụ giúp nâng cao chất lượng đội ngũ làm công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật;

- Thường xuyên kiện toàn đội ngũ công tác viên kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản trên địa bàn Thành phố, đảm bảo tăng về số lượng và nâng cao về chất lượng;

- Tiếp tục rà soát, cập nhật Cơ sở dữ liệu pháp luật của Thành phố vào Cơ sở dữ liệu pháp luật quốc gia;

- Nghiên cứu các giải pháp đề xuất tăng cường đảm bảo cơ sở vật chất, kinh phí cho công tác xây dựng, thẩm định, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.

### **Phần III**

## **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **I. KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN**

1. Kinh phí xây dựng Đề án và thực hiện các nội dung trong Đề án do ngân sách Thành phố bảo đảm.

2. Căn cứ nhiệm vụ tại Đề án này, các sở ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố Thủ Đức xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ được giao, tổng hợp vào dự toán chi ngân sách Thành phố hàng năm gửi Sở Tài chính tổng hợp, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Đối với kinh phí xây dựng Đề án, Sở Tư pháp xây dựng, gửi Sở Tài chính tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt.

### **II. PHÂN CÔNG THỰC HIỆN**

#### **1. Sở Tư pháp**

Chủ trì hoặc phối hợp tham mưu xây dựng các chương trình, kế hoạch cụ thể để thực hiện Đề án theo từng giai đoạn.

Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, các sở ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố Thủ Đức khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật dài hạn, hàng năm; tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo các cơ quan, đơn vị xây dựng kế hoạch và tổ chức các lớp bồi dưỡng theo chức năng, nhiệm vụ.

Phối hợp với Sở Tài chính dự toán, sử dụng và quản lý kinh phí thực hiện Đề án hàng năm theo đúng quy định của pháp luật; rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định về

quản lý, sử dụng kinh phí cho công tác xây dựng, thẩm định, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản pháp luật cho phù hợp quy định của Trung ương.

Biên soạn tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ về công tác soạn thảo, kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn Thành phố.

Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố triển khai, đôn đốc thực hiện các nội dung của Đề án; tổng hợp và báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố kết quả việc thực hiện Đề án theo tiến độ các nội dung cụ thể; tổng hợp các khó khăn, vướng mắc để trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.

## **2. Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố**

Chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp trong việc giao các sở ngành xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo quy định; có ý kiến về nội dung thủ tục hành chính quy định tại dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố theo đề nghị của cơ quan chủ trì soạn thảo.

Phối hợp với Sở Tư pháp trong việc hướng dẫn các sở ngành, Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện đúng trình tự, thủ tục xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; tiếp nhận và kiểm tra chặt chẽ, đầy đủ thành phần hồ sơ dự thảo văn bản quy phạm pháp luật trước khi trình Ủy ban nhân dân thành phố (phải có báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp và ý kiến giải trình đầy đủ của cơ quan chủ trì soạn thảo đối với ý kiến thẩm định); thông tin và hướng dẫn cơ quan chủ trì soạn thảo chuẩn bị lại thành phần hồ sơ dự thảo trong trường hợp phát hiện hồ sơ dự thảo chưa có ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp.

Phối hợp với Sở Tư pháp trong việc lập danh mục văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân quy định chi tiết các luật được Quốc hội thông qua tại các kỳ họp; theo dõi và đôn đốc các sở ngành, Ủy ban nhân dân các cấp đảm bảo tiến độ, thời gian trong việc tham mưu xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo các danh mục đã được Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành.

## **3. Sở Tài chính**

Phối hợp với các sở ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố Thủ Đức xây dựng dự toán kinh phí hàng năm đảm bảo triển khai thực hiện Đề án; hướng dẫn Ủy ban nhân dân các cấp dự toán, bố trí kinh phí để đảm bảo các điều kiện cho

công tác xây dựng, thẩm định, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật; bố trí nguồn kinh phí cho công tác bồi dưỡng nguồn nhân lực xây dựng chính sách, văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn Thành phố.

Phối hợp với Sở Tư pháp và các cơ quan, đơn vị có liên quan rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định về quản lý, sử dụng kinh phí cho công tác xây dựng, thẩm định, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản pháp luật cho phù hợp quy định của Trung ương.

#### **4. Sở Nội vụ**

Phối hợp với Sở Tư pháp, các sở ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố Thủ Đức rà soát, khảo sát để có biện pháp, hướng dẫn củng cố, kiện toàn nguồn nhân lực trong công tác xây dựng, ban hành chính sách, văn bản quy phạm pháp luật. Trong đó, chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp trong việc tham mưu kiện toàn tổ chức pháp chế của của các sở ngành theo chức năng, nhiệm vụ.

Chịu trách nhiệm theo dõi, tham mưu và báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, xử lý trách nhiệm của Thủ trưởng sở ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố Thủ Đức trong công tác tham mưu xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể: nghiên cứu, đưa công tác tham mưu, xây dựng văn bản quy phạm pháp luật vào kế hoạch thi đua và cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị; gắn công tác tham mưu, xây dựng văn bản quy phạm pháp luật với công tác đánh giá thi đua khen thưởng cá nhân, tập thể tại cơ quan, đơn vị.

#### **5. Các sở ngành Thành phố**

Quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác pháp chế theo quy định; kiện toàn, bồi dưỡng, nâng cao năng lực soạn thảo, kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá văn bản theo lĩnh vực, chuyên ngành đáp ứng tiêu chuẩn, yêu cầu, nhiệm vụ.

Thực hiện đúng quy định về trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Chủ động kiểm tra, rà soát văn bản theo thẩm quyền và lĩnh vực nhiệm vụ được giao. Phối hợp chặt chẽ với Sở Tư pháp trong việc tham mưu xử lý văn bản theo quy định về kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật. Chủ động xây dựng dự toán kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật hàng năm; đảm bảo sử dụng kinh phí theo đúng quy định.

Thủ trưởng các sở ngành tổ chức thực hiện có hiệu quả Đề án tại cơ quan, đơn

vị; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố trong trường hợp tham mưu ban hành văn bản quy phạm pháp luật không đúng pháp luật; có trách nhiệm báo cáo, phối hợp báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về kết quả thực hiện Đề án khi được yêu cầu.

#### **6. Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố Thủ Đức**

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố Thủ Đức tổ chức thực hiện có hiệu quả Đề án tại cơ quan, đơn vị; chịu trách nhiệm chỉ đạo tổ chức và theo dõi thực hiện công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân trên địa bàn quản lý gắn với trách nhiệm của người đứng đầu của cơ quan chủ trì soạn thảo, góp ý, thẩm định để xem xét đánh giá thi đua khen thưởng đối với cá nhân, tập thể thuộc thẩm quyền quản lý.

Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố trong trường hợp tham mưu ban hành văn bản quy phạm pháp luật không đúng pháp luật; có trách nhiệm báo cáo, phối hợp báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về kết quả thực hiện Đề án khi được yêu cầu./.

---

**VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: [tcb.ubnd@tphcm.gov.vn](mailto:tcb.ubnd@tphcm.gov.vn)

Website: [www.congbao.hochiminhcity.gov.vn](http://www.congbao.hochiminhcity.gov.vn)

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng